

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP: SỐ 16

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG LƯỚI CƠ SỞ BÁO CHÍ, PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN ĐIỆN TỬ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, MẠNG LƯỚI
BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, AN TOÀN
THÔNG TIN, PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**



Điện Biên,.../2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP: SỐ 16

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG LƯỚI CƠ SỞ BÁO CHÍ, PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN ĐIỆN TỬ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, MẠNG LƯỚI BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, AN TOÀN THÔNG TIN, PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
ACUD VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	6
1. Mục đích xây dựng nội dung đề xuất	6
2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu	7
2.1. Phạm vi nghiên cứu	7
2.2. Đối tượng nghiên cứu	7
3. Phương pháp nghiên cứu	7
4. Căn cứ pháp lý	7
PHẦN I: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2011-2020 ..	10
1. Tổng quan về tỉnh Điện Biên	10
1.1. Vị trí địa lý	10
1.2. Điều kiện tự nhiên	10
1.3. Điều kiện xã hội	11
1.4. Thực trạng phát triển kinh tế	13
2. Hiện trạng về hạ tầng Thông tin – Truyền thông tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020	14
2.1. Hiện trạng mạng bưu chính công cộng	15
2.2. Hiện trạng hạ tầng viễn thông	15
2.3. Hiện trạng Công nghệ thông tin	18
2.4. Hiện trạng Thông tin – Báo chí – Xuất bản	22
3. Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển Hạ tầng thông tin và truyền thông; mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại	27
3.1. Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng thông tin và truyền thông trong tỉnh; sự liên kết, đồng bộ giữa hạ tầng thông tin và truyền thông với khu vực và cả nước	27
3.2. Đánh giá sự liên kết giữa hạ tầng thông tin và truyền thông với các hạ tầng khác có liên quan trong tỉnh	27
4. Đánh giá các thuận lợi và khó khăn hạ tầng Thông tin – Truyền thông tỉnh Điện Biên	28
4.1. Thuận lợi	28
4.2. Khó khăn	28
4.3. Cơ hội	29
4.4. Thách thức (nguy cơ)	30
PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	31
1. Tổng quan tình hình phát triển trong nước và quốc tế	31
1.1. Bối cảnh trong nước	31
1.2. Bối cảnh quốc tế	32
2. Dự báo xu thế phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông	33

2.1. Hạ tầng Bưu chính.....	33
2.2. Hạ tầng Viễn thông	34
2.3. Hạ tầng Công nghệ thông tin.....	35
2.4. Báo chí – Xuất bản; Thông tin đối ngoại – Thông tin cơ sở.....	36
3. Quan điểm, mục tiêu phát triển	37
3.1. Quan điểm phát triển	37
3.2. Mục tiêu phát triển	38
4. Định hướng phát triển hạ tầng Thông tin truyền thông tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030. tầm nhìn đến năm 2050.	41
4.1. Định hướng phát triển hạ tầng bưu chính	41
4.2. Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông.....	45
4.3. Định hướng phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin.....	50
4.4. Định hướng phát triển Thông tin – Báo chí – Xuất bản.....	58
PHẦN III: CÁC GIẢI PHÁP. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	62
1. Về giải pháp chiến lược phát triển tổng thể.....	62
2. Về giải pháp chiến lược quy định quản lý và cơ chế chính sách	62
3. Về huy động nguồn vốn đầu tư	63
4. Về phát triển nguồn nhân lực.....	64
5. Về khoa học, công nghệ.....	64
6. Về hệ thống Công nghệ thông tin.....	66
7. Về Thông tin – Báo chí – Xuất bản.....	66
8. Về Chuyển đổi số	68
9. Về giải pháp hạ tầng kỹ thuật	71
10. Về giải pháp sử dụng đất	72

DANH MỤC HÌNH

<i>Hình 1 Nội dung đề xuất tích hợp trong thành phần hồ sơ quy hoạch Tỉnh.....</i>	<i>6</i>
<i>Hình 2 Biểu đồ phân bố dân cư theo các đơn vị hành chính</i>	<i>12</i>
<i>Hình 3 GRDP tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020</i>	<i>14</i>

PHẦN MỞ ĐẦU

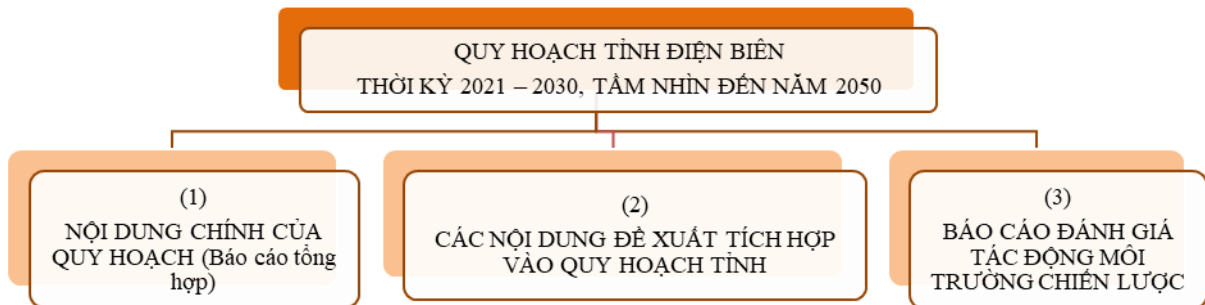
1. Mục đích xây dựng nội dung đề xuất

+ *Mục đích triển khai thực hiện:*

Nội dung đề xuất là một trong những nhiệm vụ được thực hiện trong quá trình lập quy hoạch tỉnh. Nội dung đề xuất được xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch sẽ được phân công đến các cơ quan, tổ chức liên quan để lập và tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Quá trình triển khai cần thực hiện, rà soát, đồng nhất số liệu, đánh giá thực trạng phát triển các vấn đề liên quan trong Nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp của liên quan đến góc độ quản lý của các Sở, ngành và địa phương trong thời gian qua để xây dựng phương án phát triển cho thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

Việc sử dụng kết quả nghiên cứu đầu ra của các Nội dung đề xuất để tích hợp vào quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không mâu thuẫn lẫn nhau trong hoạt động quy hoạch. - Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành quá trình phát triển chung của tỉnh.

+ *Yêu cầu chung về triển khai và phối hợp thực hiện:*



Hình 1 Nội dung đề xuất tích hợp trong thành phần hồ sơ quy hoạch Tỉnh

- Yêu cầu về triển khai và phối hợp thực hiện: căn cứ các quy định của pháp luật về quy trình lập Quy hoạch tỉnh tại Điểm c, Khoản 4, Điều 16 Luật Quy hoạch và Khoản 1, 2, Điều 13, Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019,

các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh có trách nhiệm “*Đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch*”.

2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

2.1. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên, quy mô khoảng 9.541,25 km²; Có toạ độ địa lý từ 20o54’ – 22o33’ vĩ độ Bắc và 102o10’ – 103o36’ kinh độ Đông

Về thời gian:

Đánh giá thực trạng hạ tầng TTTT giai đoạn 2016-2020

Thời kỳ lập Quy hoạch 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng phát triển và hạ tầng mạng lưới Thông tin và Truyền thông trên địa bàn Tỉnh Điện Biên

Các định hướng, giải pháp và phương án phát triển hạ tầng mạng lưới Thông tin và Truyền thông Tỉnh Điện Biên

3. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng tổng hợp các phương pháp:

- Phương pháp kế thừa và tích hợp;
- Phương pháp điều tra tổng hợp;
- Phương pháp mô hình toán;
- Phương pháp khảo sát kỹ thuật;
- Phương pháp phân tích kinh tế;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp phân tích GIS;

Phương pháp quy hoạch với sự tham gia của cộng đồng;

4. Căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 thông qua ngày 19/6/2015;

Luật Công nghệ thông tin năm 2006;
Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;
Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 thông qua ngày 24/11/2017;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến Quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15/6/ 2018;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 thông qua ngày 12/6/2018;
Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 thông qua ngày 23/11/2009;
Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 thông qua ngày 17/6/2010;
Luật Báo chí 2016;
Luật xuất bản 2012;
Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh của liên quan đến quy hoạch;
Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch 2017;
Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/ 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch 2017;
Quyết định số 1532/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8/10/2020, về việc Phê duyệt Nhiệm vụ Lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Quyết định số 995/QĐ-TTg, ngày 09/8/2018 của Chính phủ, về việc Giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 18/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025;

Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 11/01/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2021;

Quyết định số 872/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Chương trình hành động của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

Quyết định 1381/QĐ-BTTTT ngày 07/9/2021 của Bộ TTTT về việc ban hành Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025;

Công văn số 1322/BKHĐT-QLQH ngày 08/3/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch.

Niên giám thống kê của Cục Thống kê Điện Biên từ năm 2015-2019 và số liệu 2020;

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2011- 2020

1. Tổng quan về tỉnh Điện Biên.

1.1. Vị trí địa lý

Điện Biên là tỉnh biên giới thuộc vùng Tây Bắc của Tổ quốc, có tọa độ địa lý 20o54' - 22o33' vĩ độ Bắc và 102o10' - 103o36' kinh độ Đông, có tổng diện tích tự nhiên 9.541,25 km², dân số 601.659 người. Mật độ dân số bình quân 63,06 người/km², là một trong những tỉnh có mật độ dân số thấp nhất cả nước và thấp hơn nhiều so với mật độ dân số trung bình của vùng Tây Bắc (77 người/km²) và của cả nước (271 người/km²). Trung tâm tỉnh lỵ là thành phố Điện Biên Phủ, nằm cách Thủ đô Hà Nội 504 km về phía Tây. Điện Biên là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với 2 quốc gia Lào và Trung Quốc với tổng chiều dài 455,573 km, trong đó: đường biên giới Việt Nam - Lào là 414,712 km; đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc là 40,861 km.

Tỉnh Điện Biên có vị trí địa lý: phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La, phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Tây và Tây Nam giáp hai tỉnh Bắc Lào là Phongsavan và Luang Prabang của nước CHDCND Lào. Điện Biên có đường giao thông đi các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, có đường hàng không từ Điện Biên Phủ đi Hà Nội, Điện Biên Phủ đi Hải Phòng.

Tỉnh Điện Biên có 10 đơn vị hành chính, gồm: Thành phố Điện Biên Phủ (Trung tâm tỉnh lỵ), thị xã Mường Lay, huyện Mường Nhé, huyện Mường Chà, huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo, huyện Mường Ảng, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông và huyện Nậm Pồ. Toàn tỉnh có 29 xã biên giới, 19 dân tộc anh em sinh sống

1.2. Điều kiện tự nhiên

Điện Biên địa hình rất phức tạp, được cấu tạo bởi những dãy núi chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Cao độ biến đổi từ 200-1.800m. Trên 70%

diện tích tự nhiên của tỉnh có độ dốc lớn hơn 25%. Địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam và nghiêng dần từ Tây sang Đông. Phía biên giới Việt Lào có đỉnh Pu Đen Đinh 1.886m và Phu Can Ke 1.589m. Xen kẽ giữa núi cao là những thung lũng sâu và hẹp, trong đó đáng kể là thung lũng Mường Thanh có diện tích 15.000 ha và là đầu nguồn 3 con sông lớn là sông Đà, sông Mã, sông Mê Kông. Toàn tỉnh có hơn 1.000 sông, suối lớn nhỏ.

Điện Biên thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa núi cao. Trong năm có hai mùa rõ rệt. Mùa đông tương đối lạnh, ít mưa và sương muối vừa, mùa hạ nắng nóng, mưa nhiều với các đặc tính diễn biến bất thường, phân hoá đa dạng. Khu vực chịu ảnh hưởng vừa của gió Tây Nam khô nóng, ít chịu ảnh hưởng của bão. Nhiệt độ trung bình năm 20-22°C, nhiệt độ cao nhất 38-42°C. Nhiệt độ thấp nhất 0-5°C, tháng lạnh nhất vào tháng 1 (phổ biến từ 9-12°C). Các tháng có nhiệt độ trung bình < 20°C (phổ biến từ tháng 11-tháng 3), các tháng có nhiệt độ trung bình > 25°C (phổ biến từ tháng 5 - tháng 9) và chỉ xảy ra ở những khu vực có cao độ < 500 m.

1.3. Điều kiện xã hội

1.3.1. Dân số và đô thị hoá

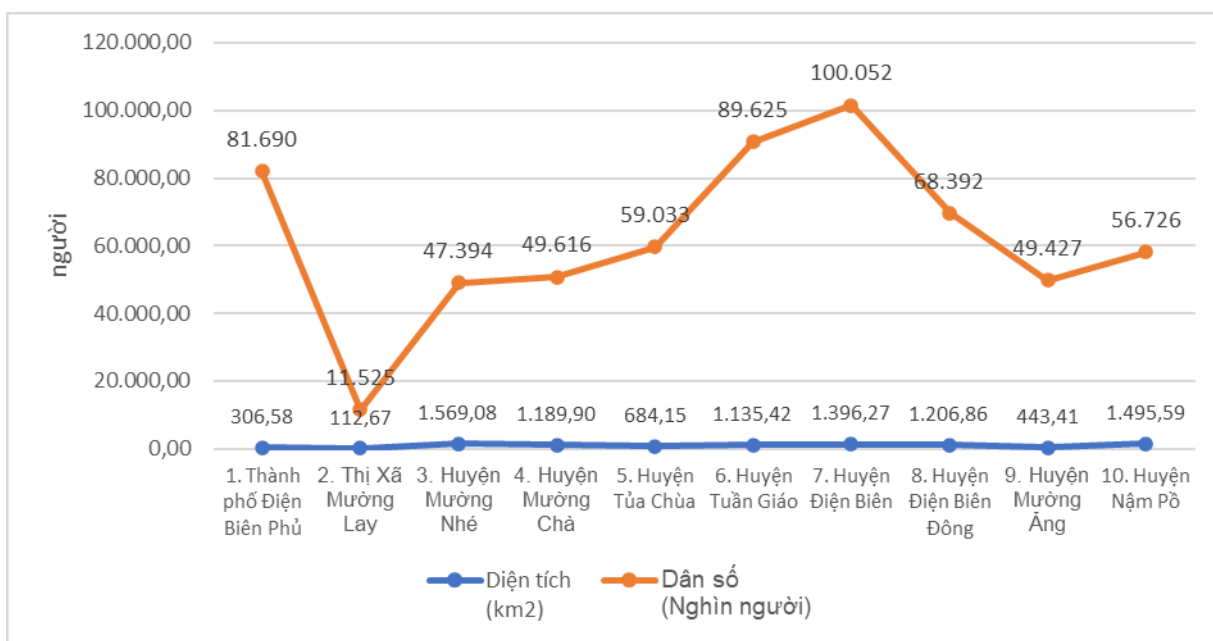
Dân số giai đoạn 2010-2020 tăng trưởng mức 2,03%/năm cao hơn mức tăng trưởng dân số của cả nước khoảng 1%. Năm 2020 dân số toàn tỉnh đạt (613.480 người) tăng 111.730 người so với năm 2010 (501.750 người). Mật độ dân số tỉnh năm 2020 đạt (64,31 người/km²) thấp hơn vùng trung du miền núi phía Bắc là 134 người/km², cả nước là 295 người/km². Mật độ dân số phân bố không đều, địa phương có mật độ dân cư lớn nhất thành phố Điện Biên 266,46 người/km², thấp nhất huyện Mường Nhé 30,2 người/km², huyện Nậm Pồ 37,93 người/km².

Về tỷ lệ dân số theo giới tính của tỉnh cũng luôn duy trì ở mức độ ổn định tuy nhiên có xu hướng tăng tỷ lệ nam và giảm tỷ lệ nữ. Trong năm 2020 dân số nam 311.462 người chiếm 50,77%, dân số nữ 302.018 người, chiếm 49,23%.

Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Điện Biên còn rất chậm và đang có xu hướng tăng dần theo các năm. Tỷ lệ dân số đô thị tỉnh gần như không tăng và có xu hướng giảm từ năm 2010 đến năm 2020 luôn giữ ở mức 14,1%-14,88%, thấp hơn trung bình vùng là 20% và thấp hơn tỷ lệ đô thị hóa trung bình cả nước là 37%.

1.3.2. Phân bố dân cư

Tính đến 2020, dân số tỉnh Điện Biên là 613.480 người, mật độ dân số bình quân 64,31 người/km². Tập trung cao nhất tại thành phố Điện Biên Phủ (266,46 người/km²), huyện Mường Ảng (111,47 người/km²), Thị Xã Mường Lay (102,29 người/km²). Dân cư tập trung thưa thớt hơn tại các huyện Mường Nhé (30,2 người/km²), Nậm Pồ (37,93 người/km²), Mường Chà (41,7 người/km²).



Hình 2 Biểu đồ phân bố dân cư theo các đơn vị hành chính

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2020

1.3.3. Lao động và nguồn nhân lực

Năm 2020, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của tỉnh là 360 ngàn người (chiếm 58,7% tổng dân số), trong đó có 52,6 ngàn người ở thành thị

(chiếm tỷ lệ 14,6%) và 307,9 ngàn người ở nông thôn (chiếm tỷ lệ 85,39%). Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm là 359 ngàn người (năm 2020), chiếm 58,5% tổng dân số toàn tỉnh (vùng TDMNPB 61,5%; cả nước 57,8%). So với mức bình quân của cả nước thì Điện Biên đang có lợi thế hơn về nguồn nhân lực.

Giai đoạn 2011-2020 LLLĐ khu vực nông thôn chiếm tỷ trọng lớn từ 84,94% đến 86,19%, và có xu hướng giảm dần theo các năm, LLLĐ khu vực thành thị chiếm tỷ trọng 13,5% đến 15% qua các năm và có xu hướng tăng dần, sự dịch chuyển gia tăng LLLĐ khu vực đô thị cho thấy tốc độ đô thị hóa đang diễn ra tại các đô thị.

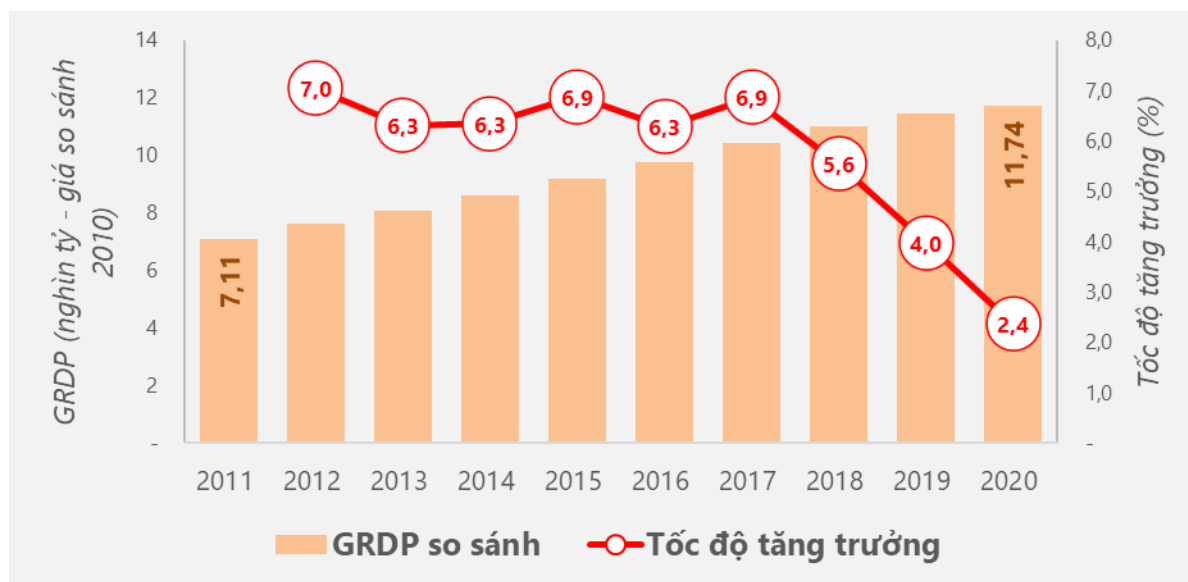
Quy mô lực lượng lao động (LLLĐ) tăng từ 282 ngàn người năm 2011 lên 319 ngàn người năm 2015 và đạt 360 ngàn người năm 2020. Giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng bình quân của LLLĐ của tỉnh là 4 %/năm (Vùng tăng 1,6%/năm; cả nước tăng 1,5%/năm); giai đoạn 2016-2020 tăng 2,4%/năm (Vùng 1%/năm; cả nước 0,7%/năm). Giai đoạn 2011-2015, bình quân mỗi năm LLLĐ của tỉnh tăng khoảng 12 nghìn người; giai đoạn từ 2016-2020 bình quân mỗi năm tăng khoảng 8 nghìn người.

Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh trong những năm qua đã được nâng lên nhanh, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng phát triển kinh tế xã hội. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo năm 2020 đạt 27,42% (Vùng TDMNPB 19%, cả nước 23,5%), tăng 10,32% so với năm 2011 (Vùng tăng 5,7%; cả nước tăng 7%). Tốc độ tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh giai đoạn 2011-2020 đạt 6,08%/năm, cao hơn mức tăng bình quân của vùng TDMNPB (3,6%/năm) và cả nước (3,6%/năm).

1.4. Thực trạng phát triển kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành của Điện Biên tăng đều đặn qua các năm, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng đang có dấu hiệu giảm dần. Năm 2020, GRDP theo giá hiện hành đạt 20,36 nghìn tỷ đồng tăng 5,3%, tương ứng tăng 1,02 nghìn tỷ đồng so với năm 2019. So với năm 2010, GRDP

theo giá hiện hành của tỉnh tăng lên gần ba lần, tương đương với 13,53 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2011-2020 là 11,66%, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng không ổn định mà giảm mạnh và liên tục trong giai đoạn từ 2011 đến 2015 (tốc độ tăng trưởng giảm từ 25,7% năm 2011 xuống chỉ còn 8,2% trong năm 2015. Sau năm 2015, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh tăng nhẹ trong hai năm 2016 và 2017 nhưng rồi lại tiếp tục sụt giảm trong giai đoạn từ 2018 đến 2020.



Hình 3 GRDP tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2020

Tăng trưởng GRDP của Điện Biên thấp hơn so với trung bình chung của cả nước, do đó khoảng cách GRDP của Điện Biên với cả nước đang có xu hướng gia tăng. Xét chung về giá trị GRDP cũng như tốc độ tăng trưởng GRDP của Điện Biên đều thuộc nhóm thấp nhất của cả nước, chỉ cao hơn so với Cao Bằng và Bắc Kạn. Do đó, khoảng cách về GRDP của Điện Biên so với các tỉnh còn lại ngày càng bị kéo giãn.

2. Hiện trạng về hạ tầng Thông tin – Truyền thông tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020

2.1. Hiện trạng mạng bưu chính công cộng

Mạng lưới bưu chính được mở rộng và hoạt động ổn định, đảm bảo cung cấp các dịch vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu về chuyển phát thư, báo, các loại công văn giấy tờ, bưu phẩm, bưu kiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân. Đồng thời, bưu chính có những bước chuyển biến, đổi mới, mở rộng các loại hình dịch vụ, từng bước tạo nền tảng phát triển thương mại điện tử và hỗ trợ các dịch vụ công của tỉnh.

Toàn tỉnh hiện có 05 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính¹⁵; Mạng lưới bưu chính công cộng hiện nay có 167 điểm phục vụ; có 89 tuyến đường thư, 90 xã có báo đến trong ngày.

Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính năm 2020 đạt 150 tỷ.

Năm 2020, toàn tỉnh đã tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: 10.458 hồ sơ (tỷ lệ TTHC phát sinh gửi nhận qua dịch vụ BCCI đạt 32%; tỷ lệ TTHC tiếp nhận qua bưu chính công ích đạt 12%; tỷ lệ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đạt 27%); vận chuyển và phát 19 đầu báo đến 9.543 đối tượng, với sản lượng 270.056 tờ; thực hiện vận chuyển trên 758.000gr tài liệu mật qua dịch vụ bưu chính KT1 cho 59 đơn vị, tổng doanh thu 311.076.233 đồng.

2.2. Hiện trạng hạ tầng viễn thông

2.2.1. Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến quốc phòng – an ninh

Trên địa bàn tỉnh chỉ có hệ thống các tuyến truyền dẫn viễn thông dùng riêng (mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước) được xếp vào các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến quốc phòng an ninh.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng và Nhà nước của tỉnh đã đưa vào sử dụng giai đoạn 3, kết nối các sở, ban, ngành và một số huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Thiết bị định tuyến đặt tại Viễn thông Điện Biên, sau đó

kéo o cấp quang đến trụ sở các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đến hết năm 2020 đã kết nối đến 106/129 xã, phường, thị trấn (Đạt 82,2%).

Việc đưa mạng truyền số liệu chuyên dùng vào hoạt động là cơ sở để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ cho tất cả các cơ quan hành chính của tỉnh, quyết định cho việc hình thành Chính phủ điện tử. Ngoài ra mạng truyền số liệu chuyên dùng còn giúp đội ngũ cán bộ công chức truy nhập Internet tốc độ cao, ổn định đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin phục vụ công tác quản lý, trao đổi thư điện tử, văn bản điện tử... trên môi trường mạng. Việc đưa mạng truyền số liệu chuyên dùng vào sử dụng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc triển khai dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến, đào tạo từ xa, quản lý cơ sở dữ liệu tập trung, đảm bảo an ninh thông tin...

2.2.2. Hạ tầng mạng thông tin di động

Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 05 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông với tổng số 770 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS), tăng 162 vị trí trạm so với năm 2016; 632 vị trí có phủ sóng 3G; 489 vị trí có phủ sóng 4G và tiếp tục tăng mạnh. 129/129 xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động 3G và 4G, tăng 55 xã so với năm 2016. Số thuê bao điện thoại đến năm 2020 đạt hơn 420.000 thuê bao; mật độ thuê bao điện thoại đạt 67 thuê bao/100 dân (đạt 85% so với mục tiêu Kế hoạch Phát triển KT-XH tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016- 2020, 80 thuê bao/100 dân).

2.2.3. Hiện trạng hạ tầng mạng ngoại vi

Hiện tại mạng ngoại vi thuộc khu vực thành phố, thị xã và trung tâm các huyện bước đầu đã được ngầm hóa, tuy nhiên tỷ lệ ngầm hóa chưa cao, phần lớn vẫn sử dụng cáp treo.

Hiện tại các tuyến cáp được ngầm hóa chủ yếu là các tuyến cáp gốc trong khu vực trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn nhằm tạo mỹ quan cho các khu đô thị.

Toàn tỉnh có 519 tuyến truyền dẫn cáp quang với tổng chiều dài tuyến cáp quang là 3.990 km (tăng 1.261 km so với năm 2016). Hạ tầng truyền dẫn cáp quang được kéo đến 100% trung tâm các xã.

Hệ thống cáp treo chủ yếu được treo trên cột thông tin hoặc cột hạ thế của điện lực, đã đáp ứng kịp thời nhu cầu lắp đặt thuê bao mới cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Hạ tầng mạng ngoại vi (cống bể, cột treo cáp) khu vực thành phố, thị xã, thị trấn bước đầu được ngầm hóa nhưng còn nhiều bất cập: cùng 1 tuyến đường có đoạn lắp đặt cáp ngầm, có đoạn lắp đặt cáp treo; cùng 1 tuyến đường phía bên phải đường lắp đặt cáp ngầm, phía bên trái đường lắp đặt cáp treo; cùng 1 tuyến đường có doanh nghiệp lắp đặt cáp ngầm, có doanh nghiệp lắp đặt cáp treo...Hạ tầng cống bể cáp tại một số khu vực, một số tuyến trong tình trạng hư hỏng không sử dụng được (tuyến cáp chết, hạ tầng cống bể nằm giữa lòng đường, nằm dưới các công trình xây dựng, không còn khả năng cải tạo, sửa chữa).

Hạ tầng mạng ngoại vi tại khu vực nông thôn hầu hết vẫn sử dụng cáp treo (cột treo cáp) do điều kiện địa hình khó khăn, chi phí đầu tư ngầm hóa cao và dung lượng mạng tại khu vực này còn thấp.

Hiện trạng sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi (sử dụng chung giữa các doanh nghiệp trong ngành và ngoài ngành) trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; hình thức sử dụng chung chủ yếu hiện nay là sử dụng chung với các doanh nghiệp ngoài ngành (doanh nghiệp viễn thông thuê lại hệ thống cột của công ty Điện lực để treo cáp viễn thông...). Sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp viễn thông còn nhiều bất cập, do các doanh nghiệp tại địa phương trực thuộc các Tổng công ty hoặc Tập đoàn, kế hoạch phát triển đều thông qua cấp chủ quản và do cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường.

2.2.4. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ bao gồm:

Trung tâm viễn thông các huyện, thành phố, trung tâm dịch vụ khách hàng, chi nhánh của các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh,

điểm giao dịch và các điểm đại lý do doanh nghiệp trực tiếp quản lý. Hiện tại, hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ đã phát triển đến huyện, thành phố có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ, với 32 điểm cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp viễn thông, phân bố tại các huyện. Nhìn chung, hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ tại khu vực các xã (điểm cung cấp dịch vụ thoại (điểm bưu điện văn hóa xã).) hoạt động kém hiệu quả, không thu hút được đông đảo người dân đến sử dụng dịch vụ. Nguyên nhân một phần do sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ thông tin di động, một phần do chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện, người dân có thể sử dụng các dịch vụ thoại bằng các phương tiện thông tin liên lạc cá nhân.

Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ: Trên địa bàn tỉnh không có loại hình này.

2.3. Hiện trạng Công nghệ thông tin

2.3.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

Hạ tầng kỹ thuật CNTT tại các cơ quan Nhà nước tỉnh Điện Biên được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, cụ thể:

Tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức trong các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện đạt 100%, cấp xã đạt trên 90%. 100% cơ quan Nhà nước từ cấp huyện trở lên được kết nối mạng nội bộ (LAN) và mạng Internet tốc độ cao, 100% xã được kết nối Internet.

Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hiện đang được đầu tư, nâng cấp để tạo nền tảng hạ tầng quản lý tập trung đảm bảo đồng bộ, thống nhất, an toàn an ninh thông tin, phục vụ hoạt động cho các phần mềm dùng chung của tỉnh (15 máy chủ, 01 thiết bị định tuyến, 01 hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong đó có 03 thiết bị tường lửa, hệ thống lưu trữ dữ liệu với dung lượng 3,6 TB, các dữ liệu được tự động sao lưu hàng ngày).

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước đã được xây dựng và kết nối từ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đến các sở, ban,

ngành; Huyện ủy, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Góp phần quan trọng trong việc khai thác có hiệu quả và an toàn các hệ thống dùng chung và chuyên ngành của tỉnh.

Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên phiên bản 2.0 (Phê duyệt tại Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh).

Xây dựng nền tảng chia sẻ và tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) làm nền tảng phục vụ việc phát triển ứng dụng dịch vụ Chính quyền điện tử và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NGSP) để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương.

Hoàn thành việc kết nối trực liên thông của tỉnh vào trực liên thông văn bản Chính phủ đảm bảo việc gửi, nhận văn bản điện tử ký số trên trực liên thông văn bản quốc gia theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ.

Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước bước đầu được các cơ quan, đơn vị trong tỉnh triển khai và khai thác có hiệu quả, như: Phần mềm Quản lý thông tin kinh tế xã hội tỉnh; Quản lý hộ tịch; Cấp đổi giấy phép lái xe; Quản lý hồ sơ người có công, quản lý hồ sơ liệt sỹ; Quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; Quản lý người khuyết tật trên địa bàn tỉnh; Quản lý dữ liệu đất đai; Theo dõi diễn biến rừng; Cấp phép hành nghề; GIS chuyên ngành Bưu chính, Viễn thông... làm cơ sở, nền tảng quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính phục vụ nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, đa số các hệ thống phần mềm chưa có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với nhau nên cần phải có phương án nâng cấp để sử dụng hiệu quả hơn.

2.3.2. Ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh kết nối liên thông vào Trực liên thông văn bản Quốc gia với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Tổng số chứng thư số chuyên dùng

Ban cơ yếu Chính phủ đã cấp phát cho tỉnh Điện Biên là trên 2.200 chứng thư số cho tổ chức và chữ ký số cá nhân; 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã triển khai ứng dụng chữ ký số vào phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Nâng tỷ lệ văn bản điện tử được ký số đến 30/10/2020 đạt trên 80% tổng văn bản gửi nhận giữa các cơ quan nhà nước.

Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đã được triển khai cấp cho cán bộ, CCVC các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã với trên 3.071 tài khoản; trên 90% cán bộ, CCVC được cấp tài khoản thư điện tử thường xuyên sử dụng thư điện tử trong xử lý công việc.

Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh đã được nâng cấp tại 14 điểm (tại Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các huyện, thị xã, thành phố) đảm bảo kết nối thông suốt từ Chính phủ xuống đến cấp huyện và có thể chuyển tiếp đến một số xã trong tỉnh.

100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và huyện được triển khai áp dụng Hệ thống kiểm soát công tác chỉ đạo và điều hành (phần mềm nhắc việc) phục vụ tốt công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị thực hiện, hạn chế tình trạng chậm trễ, bỏ sót công việc.

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được xây dựng đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và đã được kết nối với hệ thống của Văn phòng Chính phủ.

2.3.3. Ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã phát huy hiệu quả cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. 100% cơ quan Nhà nước đã có cổng/trang thông tin điện tử, cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống phần mềm một cửa điện tử thống nhất, tập trung toàn tỉnh đã được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước các cấp (tỉnh, huyện, xã); kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.dienbien.gov.vn/> để đăng tải công khai kết quả giải quyết TTHC và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến (với tổng số 1.640 thủ tục hành chính, trong đó: 237 thủ tục hành chính mức độ 3; 331 thủ tục hành chính mức độ 4). Ngoài ra, Hệ thống cũng đã được kết nối, tích hợp sử dụng hệ thống thanh toán trực tuyến chung với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông,...Việc triển khai thực hiện đầu tư Hệ thống cung cấp Dịch vụ hành chính công trực tuyến đã góp phần cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

2.3.4. Hiện trạng nguồn nhân lực

Đa số cán bộ CCVC trong các cơ quan nhà nước đã qua đào tạo bồi dưỡng cơ bản về ứng dụng CNTT, biết sử dụng máy tính trong công việc. 90% các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về công nghệ thông tin.

Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ quản trị mạng của các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Việc tổ chức và đăng ký tham gia các khóa đào tạo nguồn nhân lực CNTT thời gian qua đã giúp cho cán bộ chuyên trách quản trị mạng tại các cơ quan quản lý nhà nước được trang bị thêm nhiều kiến thức, kỹ năng phục vụ ngày càng tốt hơn việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT và bảo đảm về an toàn an ninh thông tin, xử lý kịp thời các sự cố bị nhiễm mã độc và hành động truy cập trái phép từ bên ngoài internet.

2.3.5. Hiện trạng an toàn thông tin

Điện Biên đã thành lập Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung toàn tỉnh theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và cài đặt tổng số 3.339 máy tính trên toàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với Cục An toàn thông tin tăng cường giám sát, xử lý các sự cố an ninh mạng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá về tình trạng an toàn thông tin trong quy định đối với hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh (Trong năm 2019 phát hiện và bóc gỡ mã độc cho 16 đơn vị; Năm 2020, phát hiện máy tính của 15 cơ quan nhiễm mã độc, 01 cơ quan có lỗ hổng nghiêm trọng trên Trang thông tin điện tử).

Trong thời gian qua, tỉnh Điện Biên đã tổ chức nhiều khóa đào tạo đảm bảo An toàn thông tin, diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin; tham gia diễn tập ứng cứu sự cố máy tính do Trung tâm VNCERT tổ chức. Năm 2018, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị đảm bảo An toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử và Chính quyền điện tử các cấp khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn thông tin mạng được triển khai với nhiều hình thức, nội dung được lựa chọn phù hợp cho từng đối tượng, nhất là tại các cơ quan, đơn vị có hoạt động thường xuyên liên quan đến an ninh mạng, học sinh, sinh viên và tại địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Sở Thông tin và Truyền thông được giao là đơn vị chuyên trách về An toàn thông tin mạng, triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp” trên địa bàn tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ CNTT.

2.4. Hiện trạng Thông tin – Báo chí – Xuất bản

2.4.1. Hạ tầng phát thanh – truyền hình

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát sóng một kênh trên các hạ tầng:

+ Truyền hình: Phát sóng số mặt đất trên kênh 27 công suất 2,4KW cùng với hệ thống máy phát sóng của Truyền hình Việt Nam; phát sóng vệ tinh vinasat.

+ Phát sóng phát thanh công suất 5KW.

+ Hệ thống cột ăng ten phát sóng tự đứng cao 150m.

+ Hệ thống sản xuất và truyền dẫn công nghệ HD được đầu tư năm 2019.

- Đài huyện: 10 huyện, thành phố đều có phát sóng phát thanh, được phát trên cột ăng ten 60m.

- Đài PTTH tỉnh: Duy trì việc tiếp phát sóng các kênh truyền hình Trung ương (VTV1, VTV2, VTV3, VTV6), kênh phát thanh Trung ương (VOV1, VOV2) và tổ chức sản xuất chương trình phát sóng phát thanh, truyền hình ĐTV đảm bảo đúng theo Giấy phép đã được cấp với thời lượng phát sóng truyền hình 18h/ngày, trong đó chương trình tự sản xuất mới trong ngày 6h45 phút; Phát thanh 19h/ngày, trong đó số chương trình tự sản xuất mới trong ngày đạt 5h30 phút. Các tin, bài, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục có sự đổi mới, phong phú, đa dạng đảm bảo về chất lượng nội dung và hình thức với 67 chuyên đề, chuyên mục truyền hình và 22 chuyên đề, chuyên mục phát thanh. Phủ sóng Phát thanh, Truyền hình lên vệ tinh. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh truyền hình đạt 100%.

Tổng số giờ tiếp, phát sóng truyền hình Trung ương năm 2020 đạt 35.136 giờ. Tổng số giờ tiếp, phát sóng phát thanh Trung ương Đài TNVN 7.045,5 giờ. Số chuyên đề, chuyên mục đặt hàng có kinh phí hỗ trợ tuyên truyền: 10 chuyên mục.

Truyền hình trả tiền: Ngày càng mở rộng mạng lưới, tạo điều kiện cho người dân trên địa bàn tỉnh được sử dụng dịch vụ truyền hình với chất lượng cao, nội dung chương trình phong phú. Năm 2020, các doanh nghiệp Truyền hình cáp Việt Nam - VTVCab; Viễn thông Điện Biên - MyTV; Chi nhánh Viettel Điện Biên - NextTV; Truyền hình kỹ thuật số An Viên - AVG; Truyền hình FPT cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phát triển 4.840 thuê bao hợp đồng mới. Đến nay, toàn tỉnh có 29.961 thuê bao (tăng 3507 thuê bao so với năm 2019).

Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện: Duy trì tốt hoạt động của các trạm phát lại truyền hình, tiếp phát sóng chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Điện Biên; duy trì có hiệu quả việc sản xuất chương trình trang truyền hình cơ sở phát trên sóng của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh với 475 chương trình. Đồng thời, tăng cường lượng tin, bài phản ánh về các sự kiện tại địa phương phát trong các chương trình thời sự của Đài tỉnh và trên bản tin truyền thanh của Đài huyện.

Tổng số giờ tiếp, phát sóng truyền hình Trung ương là: 233.525; số giờ tiếp, phát sóng truyền hình địa phương là 105.408 giờ.

100% hộ gia đình xem được Đài Truyền hình Việt Nam, 100% hộ gia đình xem được Đài truyền hình địa phương ĐTV. Tỷ lệ phủ sóng của 10 Đài cấp huyện duy trì trên 70% địa bàn dân cư, trong những năm qua không có đầu tư mở rộng diện phủ sóng.

Về phát thanh: Tổng số giờ tiếp, phát sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam đạt 60.609 giờ; tiếp, phát sóng phát thanh của Đài tỉnh là 83.539,2 giờ, trong đó tỷ lệ giờ tiếp, phát sóng phát thanh tiếng dân tộc của Đài tỉnh là 70%. Tỷ lệ hộ gia đình nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam 100%. Tỷ lệ 100% hộ gia đình nghe được Đài Phát thanh của tỉnh. Tổng số chương trình truyền thanh tự sản xuất trong năm là 2.415 chương trình, bằng 1.285 giờ.

Tính đến hết 2020, toàn tỉnh có 96/129 xã có đài truyền thanh (chiếm 74% , trong đó có 25 đài đang áp dụng phương thức truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông và 71 xã đang quản lý Đài Truyền thanh theo công nghệ vô tuyến qua sóng FM. Tuy nhiên, một số Đài do được đầu tư từ lâu, nên đã bị hư hỏng, xuống cấp và hoạt động không hiệu quả.

2.4.2. Mạng lưới cơ sở báo chí

Trong thời gian qua, các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh luôn bám sát chủ trương đường lối của Đảng, định hướng tuyên truyền của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động, thực hiện tốt chức năng vừa là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các

đoàn thể quần chúng, vừa là diễn đàn của nhân dân trong tỉnh. Đại bộ phận đội ngũ phóng viên, văn nghệ sỹ, cán bộ báo chí, xuất bản có lập trường tư tưởng vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, động cơ tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, tâm huyết với nghề.

Báo Điện Biên Phủ duy trì, phát hành đúng định kỳ 4 ấn phẩm (Báo thời sự, Báo cuối tuần, Báo dành cho đồng bào các dân tộc vùng cao và Báo điện tử). Năm 2020 thực hiện xuất bản 157 kỳ báo thời sự, 52 kỳ báo cuối tuần và 36 kỳ báo dành cho đồng bào các dân tộc vùng cao, số lượng phát hành báo cuối tuần, báo vùng cao duy trì ổn định. Riêng Báo Điện Biên Phủ thời sự từ tháng 8/2020 số lượng phát hành đạt 4.200 tờ/kỳ, (tăng 1.600 bản/kỳ), tăng gần 162% so với năm 2019.

Báo Điện Biên Phủ điện tử với nhiều thông tin đa dạng về hoạt động trên địa bàn tỉnh. Ngoài việc xuất bản, đăng tải các tin, bài do Báo thực hiện, Báo Điện Biên Phủ điện tử còn cập nhật, khai thác kịp thời, có chọn lọc các thông tin trong nước, quốc tế hằng ngày để cung cấp cho bạn đọc, thể hiện đúng chức năng, vai trò của báo chí điện tử, trung bình có 200 nghìn lượt truy cập/ngày.

Tạp chí Văn nghệ Điện Biên: Thực hiện đúng tôn chỉ mục đích, năm 2020 xuất bản 06 số, số lượng phát hành 3.600 bản.

2.4.3. Hoạt động in, phát hành xuất bản phẩm

Hoạt động in

Trên địa bàn tỉnh có 01 Công ty Cổ phần in Điện Biên, là một doanh nghiệp với nhiệm vụ in sách, báo Đảng của Trung ương, địa phương và in các sản phẩm in khác. Do kinh tế thị trường gặp nhiều khó khăn, giá cả biến động, thị trường in bị thu hẹp, công nghệ in ngày càng phát triển. Đến 31/12/2020, Công ty Cổ phần In Điện Biên sản xuất 591.667.000 trang in, tăng 103% so với cùng kỳ, doanh thu ước đạt 7.100 triệu đồng, tăng 104 % so với cùng kỳ.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 04 cơ sở in xuất bản phẩm đã được cấp phép và trên 70 cơ sở in, photocopy (trong đó có gần 40 cơ sở tham gia hoạt động in,

chủ yếu là in quảng cáo). Do thị trường nhỏ hẹp nên sản phẩm in cũng như doanh thu rất hạn chế.

Hoạt động phát hành

Toàn tỉnh có 02 đơn vị đầu mối phát hành chính: Công ty Cổ phần sách - Thiết bị trường học; Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh tỉnh Điện Biên với 44 cửa hàng, đại lý hoạt động phát hành; 01 doanh nghiệp tư nhân; 02 cơ sở phát hành hoạt động theo hộ kinh doanh. Đến 31/12/2020 tổng số phát hành 1.390.000 bản sách, tăng 111% so với cùng kỳ; Doanh thu 14,5 tỷ triệu, tăng 107 % so với cùng kỳ.

2.4.4. Thông tin đối ngoại

Công tác thông tin đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế của đất nước là cơ sở để tỉnh triển khai thuận lợi các hoạt động đối ngoại phù hợp với thực tiễn địa phương. Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thông tin đối ngoại trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền tích cực quảng bá hình ảnh tỉnh Điện Biên ra thế giới, tạo điều kiện thuận lợi để những người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư quan tâm đến môi trường kinh doanh của tỉnh Điện Biên. Nhận thức của các cơ quan, đơn vị, địa phương về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác thông tin đối ngoại ngày càng được nâng lên.

Sự phát triển và đồng hành tích cực của các cơ quan báo chí truyền thông đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thông tin đối ngoại.

Sở Thông tin và Truyền thông Điện Biên đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó tập trung tuyên truyền những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh - chính trị, chính sách thu hút đầu tư; tuyên truyền về di tích lịch sử, thế mạnh sản xuất nông sản hàng hóa của tỉnh trên Báo Điện Biên Phủ và Đài PT&TH tỉnh; đồng thời phản ánh bản sắc văn hóa truyền thống, tiềm năng du lịch của tỉnh.

3. Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển Hạ tầng thông tin và truyền thông; mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại

3.1. Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng thông tin và truyền thông trong tỉnh; sự liên kết, đồng bộ giữa hạ tầng thông tin và truyền thông với khu vực và cả nước

Hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh trong những năm qua được đánh giá phát triển tương đối hoàn thiện, đồng bộ, hiện đại, từ chỗ là hạ tầng phục vụ cho phát triển bưu chính, viễn thông hội tụ với hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (hạ tầng ICT), dần trở thành hạ tầng cho nền kinh tế số, xã hội số, chính quyền số. Hạ tầng thông tin truyền thông từ vị thế là hạ tầng kỹ thuật thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đã lồng ghép vào hạ tầng của tất cả các ngành, lĩnh vực, trở thành hạ tầng của các hạ tầng, nền tảng của các nền tảng, thể hiện tính liên kết rất cao trong hạ tầng kinh tế xã hội.

Tính liên kết, đồng bộ với khu vực và cả nước được thể hiện rất rõ trong quá trình xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hạ tầng được kết nối và liên thông 3 cấp, liên thông đối với từng ngành dọc và liên thông với tất cả các ngành và lĩnh vực trong tỉnh. Cơ sở dữ liệu địa phương được đặt tập trung tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, việc kết nối, liên thông và chia sẻ giữa các hệ thống trong tỉnh và với các bộ ngành qua trục liên thông tỉnh (LGSP).

Các dịch vụ ngành thông tin và truyền thông tạo mối liên kết giữa các cá nhân, các tổ chức, giữa các vùng, các địa phương, làm giảm khoảng cách giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị, góp phần nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân không chỉ Điện Biên nói riêng và cả nước nói chung.

3.2. Đánh giá sự liên kết giữa hạ tầng thông tin và truyền thông với các hạ tầng khác có liên quan trong tỉnh

Tính liên kết, đồng bộ trong phát triển các hạ tầng vật lý với nhau như hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động với hạ tầng giao thông, xây dựng, điện, cấp thoát nước chưa thực sự tốt, nhiều nơi hạ tầng phát triển mới v n chưa có sự phối

hợp, sử dụng chung, cùng đầu tư một cách đồng bộ, chặt chẽ dẫn đến sự lãng phí xã hội, gây mất mỹ quan, ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân.

Hạ tầng công nghệ thông tin của các ngành trong tỉnh còn thiếu đồng bộ, hiệu quả khai thác và sử dụng thấp; việc ứng dụng các phần mềm tin học trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ở nhiều cơ quan còn hạn chế; nguồn nhân lực công nghệ thông tin vừa thiếu, vừa yếu; tin học hoá trong hoạt động của cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chuyển biến chậm. Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu do người đứng đầu một số cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của phát triển công nghệ thông tin nên chưa quan tâm đúng mức trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; nguồn kinh phí đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin chưa thoả đáng, thiếu trọng tâm; chưa chú trọng đào tạo nguồn và thu hút nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao.

4. Đánh giá các thuận lợi và khó khăn hạ tầng Thông tin – Truyền thông tỉnh Điện Biên

4.1. Thuận lợi

Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, định hướng, chiến lược dài hạn cho sự phát triển ngành Thông tin và Truyền thông.

Các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương quan tâm và tạo điều kiện cho ngành Thông tin và Truyền thông

Nhận thức của người dân về vai trò, tầm quan trọng của lĩnh vực CNTT, viễn thông ngày càng cao. Nhờ đó đã tạo ra sự đồng thuận cũng như sự hỗ trợ của xã hội đối với sự phát triển sự nghiệp Thông tin truyền thông

4.2. Khó khăn

Một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nâng cao chất lượng các Trang thông tin điện tử, tỉnh chưa có nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành; và còn một số đơn vị cấp xã chưa sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý và hồ sơ công việc vào hoạt động điều hành, quản lý của đơn vị.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên Cổng dịch vụ của tỉnh giúp cho các tổ chức, cá nhân thuận lợi trong việc nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến vẫn rất hạn chế do các tổ chức, cá nhân chưa có thói quen làm việc qua môi trường mạng, công tác tuyên truyền của cơ quan, đơn vị, địa phương về nội dung này chưa duy trì thường xuyên; việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, sử dụng dữ liệu điện tử đã có trong giải quyết TTHC còn hạn chế, do đó, chưa tận dụng được dữ liệu, công nghệ để đơn giản hóa việc giải quyết TTHC.

Việc phối hợp triển khai thực hiện chính trang mạng cấp treo trên các tuyến đường chính thuộc khu vực trung tâm tỉnh, huyện chưa được bảo đảm làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

Ngành thông tin Truyền thông là lĩnh vực có tốc độ phát triển rất nhanh dẫn đến việc thiếu sót trong hệ thống văn bản quản lý gây khó khăn cho việc triển khai và ứng dụng khi đưa vào thực tiễn phát triển.

Chưa ứng dụng được các công nghệ hiện đại như Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Điện toán đám mây (Cloud Computing), Kết nối vạn vật (IoT), ... trong xây dựng các hệ thống thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số của tỉnh; Chưa hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL, kết nối và chia sẻ, đối soát dữ liệu giữa các ngành.

Các CSDL quốc gia chưa hoàn thiện và chia sẻ, kết nối ổn định đến các địa phương.

4.3. Cơ hội

Sự chuyển dịch các ngành sản xuất, kinh doanh từ không gian vật lý sang không gian số. Quá trình sáng tạo, sản xuất kinh doanh ngày càng diễn ra nhiều hơn trên không gian số. Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Đây là cơ hội ở ra thị trường cho các doanh nghiệp công nghệ triển khai, cạnh tranh cung cấp dịch vụ, là cơ hội cho ngành viễn thông Việt Nam thực hiện hóa khát vọng Việt Nam hùng cường.

Covid-19 đẩy nhanh công tác chuyển đổi số trên cả nước. Đại dịch Covid-19 diễn ra, các sản phẩm CNTT - viễn thông trở thành một trong những phương thức quan trọng hàng đầu trong công tác truy vết các ca bệnh, khắc phục những hạn chế trong thời gian giãn cách xã hội bằng những phần mềm học trực tuyến, thanh toán online... Các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề đều tăng cường áp dụng những mô hình mới dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số để tối ưu hoá vận hành cho doanh nghiệp, từ đó gia tăng năng suất, giảm chi phí

Tiềm năng các doanh nghiệp CNTT, ATTT trong nước còn phát triển mạnh, có nhiều cơ hội vươn ra thị trường thế giới.

4.4. Thách thức (nguy cơ)

Ở bình diện vĩ mô: Các chính sách về phát triển ngành thông tin và truyền thông của nước ta vẫn còn nhiều bất cập, chưa đạt được hiệu quả và chất lượng kỳ vọng, do thiếu những tư duy và giải pháp mang tính đột phá.

- Điện Biên vẫn là một tỉnh nghèo, nên hạn chế trong việc đầu tư và hỗ trợ cho thông tin và truyền thông

- Nguồn nhân lực của ngành Thông tin truyền thông của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế so với yêu cầu phát triển cao của ngành

PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Tổng quan tình hình phát triển trong nước và quốc tế

1.1. Bối cảnh trong nước

- Tại Việt Nam, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước, trong các ngành, lĩnh vực đã bắt đầu diễn ra nhưng chưa mang tính toàn diện, rộng rãi và chuẩn hóa. Chính phủ và chính quyền các cấp đã và đang xây dựng chính phủ điện tử/chính quyền điện tử. Một số thành phố/đô thị đã bước đầu ban hành đề án/kế hoạch Chuyển đổi số và triển khai xây dựng thành phố thông minh

- Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về CMCN 4.0 đến năm 2030 tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 và Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021. (đề nghị viết lại phần này)

Xác định Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2030 là: Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong và thử nghiệm các mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là: Vừa phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực mở rộng ra toàn cầu.

- Chương trình Chuyển đổi số quốc gia xác định: Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định; Cơ quan nhà nước sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để ra quyết định, kiến tạo phát triển và quản lý kinh tế - xã hội hiệu quả hơn, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số; Phát triển Chính phủ số gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ chủ quyền số quốc gia

1.2. Bối cảnh quốc tế

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã bắt đầu từ vài năm gần đây, được hiểu là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano.

- Không chỉ nước Đức với chương trình Công nghiệp 4.0, các nước phát triển trong vài năm qua đều có chiến lược về sản xuất trong tương lai khi những tiến bộ của khoa học và công nghệ đang diễn ra rất nhanh. Nước Mỹ có “National strategy for advanced manufacturing in the United States” (Chiến lược quốc gia về sản xuất tiên tiến) cho ba thập kỷ tới, nước Pháp có “The new face of industry in France” (Bộ mặt mới của công nghiệp nước Pháp), Hàn Quốc có “Korea’s Future Growth Program” (Chương trình tăng trưởng của Hàn Quốc trong tương lai), Trung Quốc có “Made in China 2025”,..

- Cuộc CMCN 4.0, một cuộc Cách mạng công nghệ mới, đặc biệt khác với các cuộc cách mạng trước đây. Về tốc độ, tăng theo hàm lũy thừa; về phạm vi và chiều sâu, đây là cuộc Cách mạng dựa trên cách mạng số và kết hợp nhiều công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có tiền lệ trong mô hình kinh tế - xã hội; về tác động hệ thống, bao gồm sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống, khắp các quốc gia, các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp và toàn xã hội. Cũng như các cuộc cách mạng khác, phải chấp nhận sự “đập vỡ, hy sinh” những cái cũ, lạc hậu để có

cái mới, phù hợp với quy luật phát triển và tiến hóa. Để thực hiện được cuộc Cách mạng này thành công, không để tụt hậu, các nước phải thực hiện “Chuyển đổi số”. Ở khía cạnh thực thi, CMCN 4.0 là sự tích hợp của: (1) Nền tảng Internet vạn vật (Internet of Things - IoT), Công nghệ Thông tin (IT) & Trí tuệ Nhân tạo (AI), Nhân lực Khoa học Công nghệ đáp ứng được yêu cầu mới.

2. Dự báo xu thế phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

2.1. Hạ tầng Bưu chính

Phát triển hạ tầng bưu chính đáp ứng yêu cầu của sự phát triển KT-XH, là hạ tầng của chuyển phát và logistics; phát triển thêm các điểm phục vụ bưu chính đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tăng tần suất các tuyến đường thư, tăng phương tiện vận chuyển cho các tuyến đường thư nhằm nâng cao tính chủ động, tạo điều kiện rút ngắn thời gian chuyển phát thư tới các huyện vùng sâu, vùng xa.

Phát triển dịch vụ bưu chính theo hướng đa dạng hóa, cung cấp tất cả các dịch vụ bưu chính đến các điểm phục vụ; chú trọng tới phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ tài chính và các dịch vụ ứng dụng trên nền CNTT trên nền tảng thương mại di động. Từng bước xây dựng mạng bưu cục điện tử, giúp cho việc thanh toán, chấp nhận yêu cầu trở lên đơn giản; đồng thời thúc đẩy phát triển thương mại điện tử của tỉnh trong tương lai.

Cung cấp thông tin dịch vụ qua mobile apps (tra cứu mã bưu chính; tính giá cước, truy tìm định vị bưu gửi, thông tin sản phẩm/dịch vụ, thanh toán hoá đơn, thực hiện dịch vụ thu hộ/chi hộ, tìm điểm phục vụ...). Định vị chính xác địa điểm người sử dụng mobile apps như một địa chỉ phát bưu gửi.

Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về bưu chính để phát triển mạng lưới bưu chính công cộng hiện đại, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Phát triển bưu chính theo hướng tự động hóa, tin học, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ với chất lượng phục vụ tốt, mọi lúc, mọi nơi.

Xây dựng cơ sở dữ liệu mã địa chỉ bưu chính chi tiết tới từng địa chỉ hộ dân cư. Hoàn thiện hệ thống tra cứu, gửi, nhận để khách hàng có thể tự tra cứu,

gửi nhận trên mạng về đơn hàng của mình, giải quyết khiếu nại, thắc mắc, đề nghị từ phía khách hàng về việc sử dụng dịch vụ. Tạo ra môi trường bình đẳng giữa khách hàng và nhà cung cấp.

2.2. Hạ tầng Viễn thông

Hạ tầng viễn thông trở thành hạ tầng của các hạ tầng: Mạng viễn thông phát triển theo xu hướng hiện đại, rộng khắp làm cơ sở phát triển đô thị thông minh, kết nối các hệ thống xử lý, điều khiển thông minh; các hệ thống cảm biến, thu thập thông tin; hệ thống tương tác; các hệ thống phần mềm giúp quản lý hiệu quả đô thị, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan chính quyền.

Hạ tầng băng rộng di động (dự báo theo công nghệ 5G) với các đặc tính kỹ thuật như băng tần quy hoạch, độ trễ trong kết nối thấp, băng thông lớn, số lượng kết nối nhiều, dự báo trên địa bàn tỉnh Điện Biên sẽ phát triển mới khoảng 2.000 trạm trên phạm vi toàn tỉnh.

Đẩy mạnh việc phổ cập dịch vụ viễn thông và Internet cho các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu; tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ công nghệ TT&TT.

Thúc đẩy tỷ lệ dân số sở hữu điện thoại thông minh và tiêu dùng dữ liệu. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu.

Kết nối 5G là hạ tầng chủ đạo - hạ tầng cho kết nối vạn vật: Kết nối 5G được coi là xu thế của ngành viễn thông hiện nay với các kỳ vọng vô cùng lớn lao. Nó có thể truyền dữ liệu cực cao, kết nối với công suất lớn nhưng nguồn tiêu thụ lại tỉ lệ nghịch. Nó có các tính năng mà các thế hệ di động trước đó chưa bao giờ có thể làm được, dự kiến sẽ tạo ra một cuộc cách mạng về kết nối.

Chuyển đổi số: Công cuộc “chuyển đổi số” thứ tư với cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 gắn liền với điện thoại thông minh, Internet kết nối vạn vật, cáp quang băng thông rộng đến từng nhà, big data và trí tuệ nhân tạo AI. Trong đó, máy móc thông minh hơn, xuất hiện thế giới ảo với sự tham gia của hầu hết người dân trên thế giới

2.3. Hạ tầng Công nghệ thông tin

Xu hướng phát triển công nghệ, hạ tầng IoT

IoT (Internet of Things) là một hệ thống các thiết bị đồ dùng được kết nối với nhau qua mạng Internet. Các dữ liệu sẽ được khai thác, phân tích để phục vụ cho giao dịch đời sống và kinh doanh.

Kết nối ngày càng rộng mở các cơ sở hạ tầng hiện có của Internet với những thiết bị công nghệ hiện đại của chúng ta, trong mỗi gia đình và ở khắp mọi nơi. Các công nghệ IoT (Internet Of Things - Internet kết nối với mọi vật), M2M (machine to machine, giao tiếp giữa máy với máy) sẽ được triển khai và có bước phát triển trong năm tới. So với thế giới, thị trường IoT, M2M của Việt Nam mới ở mức độ sơ khai và còn rất nhiều tiềm năng.

Hạ tầng IoT phục vụ phát triển đô thị thông minh bao gồm thiết bị IoT kết nối với con người (đồng hồ thông minh, thiết bị theo dõi sức khỏe...), thiết bị IoT trong giáo dục (lớp học thông minh, học sinh thông minh, hệ thống giáo cụ.), thiết bị IoT trong giao thông (bãi xe thông minh, xe tự hành, xe thông minh, thiết bị IoT trong nông nghiệp cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, chất lượng đất canh tác. sẽ phát triển rộng khắp trên toàn tỉnh với số lượng cực lớn, dự báo lên đến 2,8 triệu thiết bị sẽ được kết nối vào năm 2030 và 11 triệu thiết bị kết nối vào năm 2050.

Dữ liệu lớn (Big data)

Dữ liệu lớn thường bao gồm tập hợp dữ liệu với kích thước vượt xa khả năng của các công cụ phần mềm thông thường để thu thập, hiển thị, quản lý và xử lý dữ liệu trong một thời gian có thể chấp nhận được. Kích thước dữ liệu lớn là một mục tiêu liên tục thay đổi. Dữ liệu lớn yêu cầu một tập các kỹ thuật và công nghệ được tích hợp theo hình thức mới để khai phá từ tập dữ liệu đa dạng, phức tạp và có quy mô lớn.

Với sự phát triển của IoT, dữ liệu lớn được sử dụng để cải thiện nhiều phương diện của các thành phố và các quốc gia. Nhiều thành phố đang triển khai các phân tích dữ liệu lớn nhằm chuyển đổi thành thành phố thông minh, nơi mà

các hạ tầng giao thông và các quy trình tiện ích đều được tích hợp. Các yếu tố của thành phố thông minh như tòa nhà thông minh, nguồn nước thông minh, giao thông thông minh, đều có sự tham gia không nhỏ của công nghệ IoT và dữ liệu lớn.

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI)

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là trí tuệ do con người tạo nên cho máy móc với mục tiêu giúp chúng có các khả năng của trí tuệ và trí thông minh của con người. Ngày nay, trí tuệ nhân tạo đang hiện diện tại nhiều nơi trên thế giới với những ứng dụng trải khắp trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Nó hỗ trợ cải thiện đáng kể hiệu quả công việc, tiết kiệm sức lao động và giúp con người đưa ra những quyết định đúng đắn hơn.

Để hình thành đô thị thông minh, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng ở tất cả các lĩnh vực từ quản trị kinh tế, quản trị tài chính đến sản xuất, chế tạo, năng lượng, giao thông, giáo dục đào tạo. Trong đô thị thông minh sẽ tồn tại những cộng đồng thông minh, ngôi nhà thông minh mà ở đó các thiết bị trong ngôi nhà từ công tơ điện, đồng hồ nước, công tắc bóng đèn, đều được áp dụng khoa học công nghệ để trở nên thông minh, cho phép người dùng có thể kiểm soát được mọi thứ một cách đơn giản, dễ dàng nhất.

2.4. Báo chí – Xuất bản; Thông tin đối ngoại – Thông tin cơ sở

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch Phát triển và Quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 theo Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác triển khai của các cơ quan báo chí; báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nhiệm vụ phát triển KT-XH, đảm bảo QP-AN của tỉnh. Chú trọng phát hiện nêu gương người tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến, tạo sự lan tỏa trong xã hội. Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của tỉnh Điện Biên trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua các hình thức thông tin đối ngoại khác.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ còn lại theo Quyết định 273/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch Phát triển hệ thống Thông tin đối ngoại khu vực cửa khẩu Quốc tế phục vụ nhiệm vụ Thông tin đối ngoại đến 2020, định hướng đến 2030.

Tăng cường công tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Theo dõi, quản lý và xử lý kịp thời thông tin báo chí về tỉnh Điện Biên.

Rà soát, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động, cung cấp thông tin trên báo chí, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội nhằm ngăn chặn việc vi phạm bản quyền, xử lý các thông tin sai phạm, xấu độc.

Đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống TT&TT cơ sở, đặc biệt là hệ thống Đài Truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đầu tư, ứng dụng CNTT trong quản lý báo điện tử để làm chủ không gian mạng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí điện tử. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên mạng xã hội.

Đẩy mạnh phát triển văn hóa đọc trong nhân dân. Tăng cường công tác quản lý hoạt động xuất bản, hoạt động in, phát hành xuất bản phẩm.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định việc cấp phát miễn phí báo Điện Biên Phủ cho đảng viên từ 40 năm tuổi Đảng trở lên trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Đảng ủy Quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam. Kiểm tra hoạt động xuất bản, in, phát hành đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

3. Quan điểm, mục tiêu phát triển

3.1. Quan điểm phát triển

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh phải được lồng ghép vào quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng miền núi phía Bắc và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đảm bảo quốc phòng an ninh.

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở bền vững, hiện đại, đảm bảo sự kết hợp hiệu quả giữa các ngành và các địa phương khác trong cả nước; khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh; đảm bảo xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

Phát triển đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ và tăng cường năng lực tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0. Đổi mới phương thức phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là thước đo quan trọng trong phát triển Chính quyền số.

Phát huy tối đa các nguồn lực, bảo đảm đủ nguồn lực cho việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở, xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

3.2. Mục tiêu phát triển

3.2.1. Mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu tổng quát đến năm 2030, hạ tầng thông tin và truyền thông cơ bản đáp ứng yêu cầu cho việc chuyển đổi số của Tỉnh, phát triển ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền (phù hợp với Chính quyền số), đảm bảo hạ tầng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp số, đáp ứng phương thức sống mới, phương thức làm việc mới trong một môi trường số an toàn, rộng khắp.

- Tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đích đến là sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Tương tác với người dân nhiều hơn, triển khai xây dựng đô thị thông minh, Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, xã hội số từ cấp thấp nhất là cấp xã, phấn đấu mỗi người dân có một

điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường cáp quang internet, mỗi hộ gia đình một địa chỉ số. Hoàn thiện hạ tầng 4G, phát triển hạ tầng 5G.

- Báo chí, thông tin tuyên truyền đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, thể hiện dòng chảy chính của xã hội, tạo đồng thuận, niềm tin xã hội góp phần tích cực trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Tăng cường tính công khai minh bạch thông tin, phát huy mạnh mẽ vai trò của thông tin cơ sở; đảm bảo quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân. Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong thông tin đối ngoại và đấu tranh dư luận.

- Thúc đẩy phát triển lĩnh vực bưu chính theo hướng hạ tầng chuyển phát và hạ tầng Logistic để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số. Cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, tham gia cải cách hành chính và xây dựng chính phủ điện tử.

- Phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ cho phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số, phục vụ kết nối trực liên thông phục vụ cho việc xây dựng đô thị thông minh.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Bưu chính

Bưu chính chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy chính phủ số, xã hội số. Khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ gắn với bản đồ số (Vpostcode) đến 100% hộ gia đình nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics. Chuyển từ tư duy “bưu chính truyền thống” sang “doanh nghiệp công nghệ số” trong lĩnh vực Bưu chính dựa trên chuyển đổi số (e-post/digital post).

b. Viễn thông

Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G/6G.

Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

100% người dân được tiếp cận, sử dụng bình đẳng tất cả các dịch vụ cơ bản trên môi trường số.

Mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn tối thiểu 02 xã thực hiện chuyển đổi số.

c. Công nghệ thông tin

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông là hạ tầng cho đô thị thông minh;

Phát triển chính quyền thông minh, hoạt động quản lý và phục vụ của chính quyền dựa trên phân tích dữ liệu và hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo;

100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 100% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng;

70% hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

100% hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân thường xuyên được giám sát, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Ưu tiên triển khai chuyển đổi số trước một số ngành, lĩnh vực trọng điểm như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp, tài nguyên môi trường.

Mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn xây dựng tối thiểu 01 đô thị thông minh.

Kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP của tỉnh;

Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt trên 20%;

Năng suất lao động hàng năm tăng trên 8%.

100% doanh nghiệp hướng tới nền sản xuất, kinh doanh thông minh; có khoảng 100 doanh nghiệp công nghệ số.

Thực hiện chuyển đổi số tổng thể, toàn diện trong tất cả các ngành nghề, lĩnh vực.

Mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn tối thiểu 02 xã thực hiện chuyển đổi số.

Về an ninh, an toàn thông tin: Chuyển từ tư duy bảo đảm an toàn, an ninh mạng sang tư duy bảo đảm an toàn không gian mạng trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Trung tâm giám sát an ninh không gian (SOC) tỉnh Điện Biên kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ chính phủ số.

d. Thông tin – báo chí – xuất bản

Đến 2025, 3 cơ quan báo chí, sau 2025 hội tụ theo mô hình đa phương tiện, hội tụ về cơ quan báo chí, ấn phẩm báo chí.

Tỷ lệ thuê bao truyền hình trả tiền đạt 40% (2025) và 80% (2030).

Mức độ thụ hưởng thông tin đạt 5 xuất bản phẩm/người/năm (2025) và 7 xuất bản phẩm/người/năm không tính sách giáo khoa).

Phát triển số lượng đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đạt tỷ lệ 70% (2025) và 100% (2030).

Phát triển cổng thông tin đối ngoại, công du lịch và hầu hết xã có cổng thông tin điện tử.

4. Định hướng phát triển hạ tầng Thông tin truyền thông tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030. tầm nhìn đến năm 2050.

4.1. Định hướng phát triển hạ tầng bưu chính

4.1.1. Bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử và logistics

Phát triển hạ tầng bưu chính đồng bộ, hiện đại, gắn kết giữa thế giới thực và thế giới số, trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính, chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng

quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy chính phủ số, xã hội số. Trong đó:

- Ứng dụng công nghệ số để giúp người dân, tổ chức, doanh nghiệp bán các sản phẩm thông qua sàn thương mại điện tử của các doanh nghiệp bưu chính (Viettel Post,...) và vận chuyển đến người tiêu dùng. Đưa các mặt hàng nông sản, các sản phẩm đặc thù của tỉnh trên kênh phân phối mới dựa trên nền tảng số được đánh giá là vừa hiện đại vừa bền vững, góp phần thúc đẩy tiêu thụ nhanh, đảm bảo chất lượng với chi phí hợp lý. Đồng thời giúp các hộ gia đình phát triển các sản phẩm có thương hiệu để tiếp cận thị trường trong và ngoài nước.

- Phát triển các ứng dụng cho phép người dùng tạo đơn hàng trực tuyến, đồng thời hỗ trợ giải pháp quảng cáo số, công khai chi phí vận chuyển để thúc đẩy hoạt động bán hàng trên sàn thương mại điện tử, ưu tiên các khu vực có nhu cầu sử dụng dịch vụ lớn như: thành phố Điện Biên, thị xã Mường Lay,

- Hợp tác với các sàn thương mại điện tử lớn như: Sendo, Tiki, Shopee, Lazada,... để gia tăng sự hiện diện của sàn thương mại điện tử tại địa phương, đặc biệt là vùng nông thôn thông qua mạng lưới các điểm bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã của doanh nghiệp bưu chính.

- Xây dựng hạ tầng dùng chung giữa các doanh nghiệp bưu chính: Hợp tác với các đối tác ngân hàng, doanh nghiệp sản xuất, logistics, vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh Điện Biên để tiếp tục tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, phát triển hệ sinh thái.

Điện Biên là tỉnh biên giới miền núi thuộc vùng Tây Bắc của tổ quốc, là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với hai quốc gia Lào và Trung Quốc, trong đó: Đường biên giới tiếp giáp với Lào là 360 km; với Trung Quốc là 40,86 km; có đường giao thông đi các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, có đường hàng không từ Điện Biên Phủ đi Hà Nội với tần suất bay bình quân ngày 02 chuyến. Bên cạnh đó, Điện Biên là tỉnh có vị trí quan trọng về quốc phòng – an ninh và là đầu mối giao thông quan trọng giữa khu vực các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam với các tỉnh Bắc Lào và Vân Nam (Trung Quốc). Đây là tiềm

năng lực của bưu chính tỉnh trong việc phát triển thương mại điện tử và logistics.

Để phát huy mạnh mẽ tiềm năng phát triển này cần thiết phải xây dựng mạng lưới bưu chính công cộng nội tỉnh bao hệ thống Trung tâm bưu chính Tỉnh liên kết với Trung tâm bưu chính vùng (đặt tại Sơn La). Hệ thống Trung tâm bưu chính tỉnh đóng vai trò trung tâm kết nối, cho phép kết nối đường trực điểm - điểm với Trung tâm bưu chính vùng, kết nối giữa các hệ thống Trung tâm bưu chính tỉnh – bưu cục - điểm bưu điện văn hóa xã, tối ưu hoá quãng đường di chuyển. Hệ thống Trung tâm bưu chính tỉnh đóng vai trò kiểm định, đóng gói, phân loại và bảo quản hàng hóa tập trung tại các huyện, thành phố, cụ thể:

- 1 Trung tâm bưu chính nội tỉnh đặt tại thành phố Điện Biên Phủ, là khu vực có nhu cầu sử dụng dịch vụ cao, trọng điểm về phát triển đô thị, là động lực tăng trưởng chủ đạo của Tỉnh; đầu mối giao lưu, liên kết, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- 1 Trung tâm bưu chính nội Tỉnh đặt Tuần Giáo kết nối trực tiếp của Trung tâm bưu chính Vùng nằm trên trục đường kết nối giữa Tuần Giáo đi Thành phố Sơn La, cung ứng các dịch vụ và nhu cầu bưu chính chủ yếu cho cả tỉnh. Trung tâm bưu chính tuyến sẽ đóng vai trò cung ứng và phân phối, góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn một cách nhanh chóng, chất lượng thông qua sàn thương mại điện tử.

- 1 Trung tâm bưu chính nội Tỉnh đặt tại thị xã Mường Lay, trên trục đường kết nối đi thành phố Lai Châu và xa hơn là Trung Quốc. Đóng vai trò cung ứng và phân phối, góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn một cách nhanh chóng, chất lượng thông qua sàn thương mại điện tử.

4.1.2. Phương án mạng vận chuyển bưu chính

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh doanh, tối ưu đường thư và phương tiện vận chuyển, theo dõi hành trình của bưu gửi nhằm giảm bớt chi phí, thời gian trong toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh.

- Thiết lập mạng vận chuyển bưu chính dùng chung giữa các doanh nghiệp bưu chính nhằm giảm chi phí vận chuyển, đảm bảo thời gian, nâng cao chất lượng dịch vụ. Phát triển các giải pháp chia sẻ xe rỗng giữa các doanh nghiệp bưu chính.

- Xây dựng các giải pháp giám sát hành trình đối với phương tiện vận chuyển.

- Tăng cường sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ công tác phát bưu gửi và sử dụng bản đồ số phục vụ việc vận chuyển bưu gửi. Khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ gắn với bản đồ số (Vpostcode) đến 100% hộ gia đình nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics.

- Đến năm 2030, đảm bảo chất lượng phục vụ, vận chuyển từ Trung tâm tỉnh đến trung tâm xã tối thiểu 2 lần/ngày, giảm thời gian đưa phát, nâng cao chất lượng chuyển phát, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

4.1.3. Cung cấp các dịch vụ liên quan đến chính phủ điện tử

- Khai thác tối đa ưu thế mạng lưới bưu chính công cộng để cung cấp đa dạng sản phẩm dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân. Phát triển nền tảng số, công nghệ số nhằm tiếp nhận và cung cấp dịch vụ công, kết nối cơ quan, chính quyền với công dân, tổ chức, doanh nghiệp. Kết nối hệ thống Cổng dịch công của tỉnh phục vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích để người dân, tổ chức khi nộp hồ sơ trực tuyến có thể đăng ký thu gom hồ sơ tại nhà và nhận kết quả tại nhà qua hệ thống Bưu điện.

- Quản trị, hỗ trợ người dân trong việc đăng ký trực tuyến đối với dịch vụ hành chính công mức 3, 4. Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, phối hợp với các sở, ngành, địa phương để tổ chức chuyển phát và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả dịch vụ công trực tuyến; tăng cường tiếp nhận các hồ sơ, thủ tục hành chính tại cấp huyện, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân

- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích an toàn, chính xác, đúng quy định.

4.1.4. Hệ thống mạng điểm dịch vụ

Tiếp tục duy trì mạng lưới bưu chính hiện có, từng bước nâng cấp các thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác. Đầu tư, phát triển mới điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và kết nối internet băng rộng cố định đảm bảo 100% xã có điểm phục vụ và có kết nối internet băng rộng cố định.

+ Đầu tư, nâng cấp, kiên cố hóa các điểm bưu điện - văn hóa xã đảm bảo 100% các điểm bưu điện - văn hóa xã là các điểm cung cấp đa dịch vụ về bưu chính (đầu tư, kiên cố hóa 5 điểm; nâng cấp đa dịch vụ 58 điểm).

+ Đầu tư xây dựng mới 01 Trung tâm khai thác bưu chính mới hiện đại tại Thành phố Điện Biên Phủ.

+ Duy trì tuyến đường thư cấp 2 với tần suất 1-2 chuyến/ngày, nâng cao chất lượng các tuyến đường thư cấp 3.

4.2. Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông

4.2.1. Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

Các công trình viễn thông phục vụ sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của các cơ quan Đảng, Nhà nước:

- Kết nối với các tuyến cáp đất liền xuyên biên giới theo các hướng Biệt Nam – Lào và Việt Nam – Trung Quốc, đảm bảo kết nối dung lượng lớn, tốc độ cao từ Việt Nam đi quốc tế

- Mạng viễn thông dùng riêng đảm bảo thông tin chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Trung ương Đảng và Nhà nước đến Điện Biên. Nâng cấp dung lượng cho các nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành:

+ Nâng cấp dung lượng tuyến truyền dẫn viễn thông dùng riêng, kết nối từ mạng viễn thông dùng riêng của tỉnh tới thiết bị định tuyến của Bưu điện Trung

ương. Xây dựng tuyến truyền dẫn dự phòng, đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra.

- + Nâng cấp và xây dựng các tuyến truyền dẫn cáp quang, kết nối các điểm truy nhập tại khu vực xã/phường/thị trấn, thôn/tổ/xóm tới hệ thống mạng viễn thông dùng riêng hiện tại.

- + Nâng cấp và thiết lập hạ tầng dự phòng các tuyến truyền dẫn cáp quang nối vòng Ring giữa các huyện, thành đảm bảo an toàn an ninh thông tin, đảm bảo an toàn thông tin khi thiên tai xảy ra.

- + Lắp đặt và nâng cấp các thiết bị truy nhập đa dịch vụ tại trụ sở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn các huyện, thành phố.

Mạng viễn thông dùng riêng phục vụ nhiệm vụ an ninh thuộc Cục Thông tin Liên lạc có các hệ thống đường truyền bảo đảm thông tin, liên lạc chỉ đạo, chỉ huy từ Bộ Công an đến Công an tỉnh, từ Công an tỉnh đến Công an các huyện, thành phố Điện Biên Phủ: Nâng cấp hệ thống hiện trạng, xây dựng mới các vị trí chưa được triển khai.

4.2.2. Hạ tầng mạng cố định

a. Mạng truyền dẫn liên Tỉnh

Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn quang liên Tỉnh (bao gồm cả các tuyến dự phòng) đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng thông rộng trong tương lai, đảm bảo việc kết nối dung lượng lớn, tốc độ cao, kết nối liên tỉnh, từ Trung ương đến địa phương, là hạ tầng quan trọng của chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng các phương án nâng cấp, bảo vệ các công trình phục vụ an ninh quốc phòng, nhiệm vụ an ninh, đảm bảo dự phòng khi thiên tai, sự cố xảy ra.

- Tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị phát triển mạng truyền dẫn liên tỉnh phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh theo nhu cầu.

- Đối với các vùng đặc thù, có vị trí chiến lược quan trọng đối với an ninh quốc phòng: Các doanh nghiệp tiến hành xây dựng các tuyến truyền dẫn phải xin ý kiến và được sự đồng ý của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền về sự phù hợp đối với an ninh quốc phòng.

b. Mạng truyền dẫn nội Tỉnh

- Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng động lực, vùng kinh tế trọng điểm, ưu tiên xây dựng đô thị thông minh, bao gồm: thành phố Điện Biên Phủ, các vùng kinh tế I, II, III.

- Thực hiện cáp quang hoá toàn tỉnh, phát triển cáp quang đến tất cả các trạm viễn thông, trạm truy nhập, các tuyến cáp quang nội tỉnh đến các trạm viễn thông quy hoạch.

- Phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn đồng bộ với phát triển đô thị, khu dân cư, tiện ích xã hội.

- Nâng cấp và phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ và chất lượng cao đến các khu, cụm khu công nghiệp, nhằm phục vụ các yêu cầu của cụm công nghiệp, cũng là tạo điều kiện hạ tầng cơ sở tốt để thu hút các dự án đầu tư.

- Nâng cấp và hoàn thiện việc xây dựng mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối liên thông với mạng WAN nội tỉnh, đảm bảo được tốc độ đường truyền, tính bảo mật và chất lượng tốt phục vụ cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh.

4.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động

Phát triển viễn thông theo hướng chuyển dịch hạ tầng viễn thông sang hạ tầng ICT, phát triển hạ tầng số. Viễn thông là nền tảng của các nền tảng. Một số nội dung trọng tâm:

a. Phổ cập điện thoại thông minh

Phổ cập điện thoại thông minh giá rẻ tới 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, huy động nguồn vốn từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích.

b. Phát triển hạ tầng mạng thông tin di động 5G

Phát triển mới khoảng 2.000 trạm thu phát sóng, trong đó:

- Giai đoạn 2021 - 2025: phát triển mới 500 trạm thu phát sóng
- Giai đoạn 2026 - 2030: phát triển mới 1.500 trạm thu phát sóng;

Quy hoạch loại hình cột không công kênh, kích thước nhỏ gọn, thân thiện với môi trường, nguy trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan. Hình thức triển khai trên hạ tầng đô thị công cộng.

Quy hoạch loại hình cột không công kênh, kích thước nhỏ gọn, thân thiện với môi trường, nguy trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan. Hình thức triển khai trên hạ tầng đô thị công cộng.

Mở rộng, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo 100% cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

+ Cải tạo mạng truyền dẫn, tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nguồn lực đầu tư, an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị, tỷ lệ sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (giữa các ngành, các doanh nghiệp viễn thông với nhau) đạt trên 30%.

+ Thực hiện lộ trình loại bỏ công nghệ cũ (2G), phổ cập công nghệ mới (4G/5G); nâng cao vùng phủ sóng, chất lượng dịch vụ di động 3G/4G, đặc biệt là ở khu vực vùng sâu, vùng xa biên giới; từng bước triển khai 5G, trước hết ưu tiên ở khu vực đô thị, khu du lịch. Cấp quang hóa đến các khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh, 100% các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, trường học, cơ sở y tế được kết nối Internet băng rộng cố định có tốc độ truy cập tối thiểu 50Mb/s.

+ Rà soát thiết lập, nâng cấp, cung cấp mạng wifi internet miễn phí tại các địa điểm công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, công sở, trường chuyên nghiệp, bệnh viện, ...), đảm bảo 100% khu vực công sở, công cộng (sân bay, bến xe, khu du lịch, trường chuyên nghiệp, khu công nghiệp...) được phủ sóng wifi internet miễn phí.

c. Phát triển hạ tầng IoT phục vụ xây dựng đô thị thông minh bền vững

Giai đoạn 2021 - 2025: Phát triển IoT trong 4 lĩnh vực trọng điểm: Du lịch thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, nông nghiệp thông minh để xây dựng hạ tầng đô thị thông minh.

Giai đoạn 2026 - 2030: Phát triển IoT; các nền tảng dùng chung và chuyển đổi số một cách toàn diện.

d. Phát triển hạ tầng số

- Giai đoạn 2021 - 2025: Phát triển hạ tầng băng rộng cố định đảm bảo 40% người dân được truy cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu... ;

Tốc độ kết nối băng rộng di động đạt 100Mbps, băng rộng cố định đạt 500Mbps;

Đào tạo kỹ năng số cơ bản cho 50% dân số tỉnh Điện Biên;

Phát triển dịch vụ mobile money tới 70% dân số của tỉnh.

- Giai đoạn 2026 - 2030: 100% người dân được tiếp cận, sử dụng bình đẳng tất cả các dịch vụ cơ bản trên môi trường số.

e. Ngầm hoá mạng cáp viễn thông

Đối với các khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường mới, thực hiện ngầm hóa 100%.

Đối với các khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường đã xây dựng: Ưu tiên ngầm tại các khu vực có yêu cầu mỹ quan như: Các tuyến giao thông mới xây dựng, khu du lịch, khu di tích, khu đô thị mới, các khu vực nâng cấp và cải tạo:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: đảm bảo chỉ tiêu 20 - 30% hạ tầng mạng cáp (tính đến hệ thống tủ cáp và thuê bao) trên toàn tỉnh, khu vực đô thị đạt 40 - 50%.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: đảm bảo chỉ tiêu 40 - 50% hạ tầng mạng cáp (tính đến hệ thống tủ cáp và thuê bao) trên toàn tỉnh, khu vực đô thị đạt 70 - 80%.

4.3. Định hướng phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin

4.3.1. Xây dựng chính quyền số

a. Xây dựng các nền tảng số

Xây dựng nền tảng điều hành, tác nghiệp:

Xây dựng và triển khai nền tảng điều hành, tác nghiệp đến 100% các cơ quan chính quyền các cấp, kết nối với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh, đảm bảo kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị. Bao gồm các tác nghiệp về quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, ứng dụng chữ ký số, hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh phục vụ quản lý, điều hành và kiểm tra, giám sát. Đảm bảo, đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức sử dụng trong nền tảng điều hành, tác nghiệp trong công việc: 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp được tích hợp, kết nối với hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Đến năm 2030, 100% hồ sơ công việc tại ba cấp tỉnh – huyện – xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh:

Giai đoạn 2021 – 2025: Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đảm bảo tích hợp, kết nối, liên thông 100% các hệ thống thông

tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp:

Giai đoạn 2021 – 2025: Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Giải pháp nền tảng tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu:

Mỗi ngành, lĩnh vực, UBND cấp huyện triển khai giải pháp phát triển một nền tảng tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu do đơn vị mình quản lý (dân cư, doanh nghiệp, đất đai, giáo dục, y tế...) để cùng khai thác, sử dụng; tạo thuận lợi cho thương mại hóa dữ liệu, phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2025.

b. Phát triển hệ thống dữ liệu Tỉnh

Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh:

Giai đoạn 2021 – 2025, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo hướng sử dụng nền tảng điện toán đám mây, kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn; đồng thời phát triển hạ tầng phục vụ lưu trữ, tính toán và dự phòng, đảm bảo năng lực phục vụ 24/7 cho các ứng dụng dùng chung của Chính quyền số, đô thị thông minh; nâng cao năng lực an toàn, an ninh thông tin; các máy tính tính toán hiệu năng cao để xây dựng các hệ thống lớn như: tính toán song song, trí tuệ nhân tạo (AI), xử lý dữ liệu lớn (Bigdata), chuỗi khối (Blockchain)...

+ Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) để kết nối, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống các dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh:

Giai đoạn 2021 – 2025: Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (được lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh) trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu

phục vụ công tác điều hành, quản lý và khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới, bảo đảm an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hạ tầng dữ liệu phải đảm bảo nhu cầu cung cấp và khai thác thông tin từ hệ thống đô thị thông minh và từ các hệ thống từ bên ngoài (tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài).

Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh là nơi tích hợp các cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, làm cơ sở phục vụ cho công tác dự báo chiến lược phát triển của tỉnh; cũng như triển khai các ứng dụng tích hợp phục vụ công tác điều hành tổng thể của tỉnh; là nền tảng dữ liệu để xây dựng chính quyền số phục vụ quá trình chuyển đổi số, hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền số. Việc tích hợp, kết nối, chia sẻ, sử dụng, khai thác kho dữ liệu dùng chung được thực hiện thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

Số hóa dữ liệu:

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp.

Thực hiện số hóa tài liệu, hồ sơ lưu trữ có giá trị sử dụng lâu dài của các cơ quan đảng, nhà nước các cấp phục vụ mục tiêu xây dựng chính quyền số và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về văn bản tài liệu đã được số hóa với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính của các cấp chính quyền.

Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành:

Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của các cơ quan chính quyền các cấp, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia thông

qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); hầu hết các dữ liệu chủ được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API). Ưu tiên phát triển cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực quan trọng: giáo dục đào tạo; y tế, bảo hiểm, an sinh xã hội; tài chính; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; du lịch; lao động, việc làm; phương tiện giao thông, xây dựng, thông tin và truyền thông...

Phát triển dữ liệu mở:

Phát triển dữ liệu mở của tỉnh bao gồm các loại dữ liệu mở về người dân, doanh nghiệp, đất đai, giáo dục, y tế, du lịch và của các ngành khác như nông nghiệp, công nghiệp.

Thông tin dữ liệu mở sẽ được cung cấp từ kho dữ liệu dùng chung tỉnh Điện Biên và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Cơ sở dữ liệu mở được thiết kế theo mô hình dữ liệu mở liên kết giữa các cơ quan chính quyền và các tổ chức, công dân, doanh nghiệp.

Xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh - kênh thông tin, chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp sử dụng, giúp doanh nghiệp và người dân chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin để phục vụ cho cuộc sống, công việc kinh doanh và đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng sống và khuyến khích người dân tích cực tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội; khuyến khích doanh nghiệp tham gia sử dụng dữ liệu mở để tạo ra sản phẩm giá trị mới đóng góp cho hệ sinh thái ứng dụng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế tri thức, sáng tạo.

c. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Giai đoạn 2021 – 2025: Xây dựng và phát triển nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Bao gồm các thành phần:

- Hệ thống quản lý định danh và xác thực người dùng tập trung (SSO) phục vụ người dân và doanh nghiệp.
- Kết nối thanh toán điện tử.
- Kết nối dịch vụ bưu chính để chuyển phát hồ sơ, kết quả dịch vụ công.

- Cung cấp thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.
- Tích hợp, cung cấp dữ liệu, chia sẻ dữ liệu số của hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, giúp người dân quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.
- Liên thông các hệ thống thông tin.

Tiếp tục duy trì, hoàn thiện Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo (cung cấp, hướng dẫn thông tin tự động cho người dân và doanh nghiệp), trả lời tự động. Ưu tiên triển khai tại các lĩnh vực hộ tịch, đất đai, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, an toàn thực phẩm và dinh dưỡng, thi và tuyển sinh. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, như giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến. Đảm bảo đến năm 2025, tối thiểu 80% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đến năm 2030, đạt 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

d. Phát triển hạ tầng Chính quyền số

Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh. Duy trì, sử dụng hiệu quả mạng WAN tại 100% các đơn vị sở, ban, ngành, Ủy ban nhân

dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo đường truyền tốc độ cao, an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt.

Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây. Đầu tư nâng cấp, thay thế, đồng bộ mạng LAN, Internet, mua sắm máy tính cá nhân, thiết bị số hóa và thiết bị công nghệ thông tin khác cho các cấp chính quyền đảm bảo điều kiện để thực hiện chuyển đổi số. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước có máy tính sử dụng trong công việc.

Thực hiện chuyển đổi sang địa chỉ IPv6 trên toàn bộ hệ thống thông tin, các dịch vụ có kết nối Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của 100% các đơn vị sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong toàn tỉnh.

4.3.2. Xây dựng kinh tế số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Bigdata) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh để chuyển đổi cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Pay, VNPT Pay...).

Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, hỗ trợ rộng rãi ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Duy trì và nâng cấp các website thương mại điện tử kết nối giao thương giữa Điện Biên và các tỉnh Tây Bắc nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và thương hiệu.

Phát triển nền tảng thương mại số thông qua chuỗi giá trị, hình thành chuỗi cung ứng trong đó có sự tham gia các doanh nghiệp, nhà sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh với các nhà sản xuất, phân phối và các công ty thương mại điện tử trong và ngoài nước.

Triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của tỉnh về đổi mới công nghệ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp tăng cường hoạt động đầu tư, ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ của công nghiệp 4.0 vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4.3.3. Xây dựng xã hội số

Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi số kỹ năng, cung cấp các khóa học trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp.

Triển khai tuyên truyền về chuyển đổi số, hướng dẫn khuyến khích người dân, doanh nghiệp, du khách sử dụng từng chức năng, ứng dụng cụ thể của chuyển đổi số trên các kênh truyền thông.

Xây dựng chương trình đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân đưa lên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin điện tử khác để người dân dễ dàng tiếp cận, học tập.

Triển khai thử nghiệm đào tạo, đào tạo lại về công nghệ số cho người lao động ít nhất 1 giờ/1 tuần tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

Điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán

đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing).

Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM/STEAM/STEAME) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin để học sinh có cơ hội nghiên cứu, tiếp cận. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

Đảm bảo đến năm 2025, trên 50% dân số và 100% doanh nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử; từng bước thay đổi thói quen mua sắm, hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng theo hướng văn minh, hiện đại. Trên 50% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Đến năm 2030, trên 80% dân số có tài khoản thanh toán điện tử; trên 70% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

4.3.4. Phát triển nguồn nhân lực trong cơ quan nhà nước

Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; trong đó 30% được đào tạo tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin hiện có; xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để hình thành đội ngũ chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao tại 100% các đơn vị sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để phục vụ phát triển chính quyền số, đô thị thông minh và giám sát an toàn không gian.

4.3.5. Chi ngân sách công nghệ thông tin

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách địa phương, ngân sách trung ương và xã hội hóa... để đầu tư phát triển công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

4.3.6. An toàn, an ninh mạng

Định hướng giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử thông qua Hệ thống chia sẻ và giám sát an toàn thông tin. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Nâng cấp Trung tâm SOC đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông phục vụ các ngành và chính quyền các cấp trong toàn tỉnh, đảm bảo an toàn, an ninh mạng để giám sát bảo đảm an toàn thông tin; các thiết bị mạng, thiết bị an ninh mạng tập trung nhằm giám sát, phân tích, phát hiện và cảnh báo sớm với các tấn công vào hệ thống mạng; các dịch vụ cung cấp các thông tin cập nhật về nguy cơ tấn công mạng và các dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ.

4.4. Định hướng phát triển Thông tin – Báo chí – Xuất bản

4.4.1. Báo chí

Giai đoạn 2021 - 2025, giữ nguyên số lượng 3 cơ quan báo chí trong tỉnh. Giai đoạn 2026 - 2030, hội tụ các cơ quan báo chí, chuyển đổi số mô hình, ứng dụng các công nghệ IoT, AI, BigData trong hoạt động sản xuất tin, bài.

Giai đoạn 2021 - 2030: Có lộ trình giao quyền tự chủ tài chính 3 cơ quan báo chí của tỉnh; tỉnh thực hiện cơ chế đặt hàng đối với các nội dung phục vụ nhiệm vụ chính trị. Năm 2025: hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, cơ quan truyền thông đa phương tiện, ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (IoT, AI, Big Data...). Năm 2030: Xây dựng cơ quan báo chí chủ lực của tỉnh. Đầu tư các trang thiết bị, hệ thống phần mềm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (BigData), ảo hóa quy trình và lưu trữ trên môi trường đám mây (Icloud)... trong hoạt động nghiệp vụ, lưu trữ.

4.4.2. Phát thanh – Truyền hình

Phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình đồng bộ với hạ tầng viễn thông. Hội tụ các loại hình truyền thông (hội tụ của các phương tiện truyền thông mới và truyền thống), hội tụ của ba mạng: di động, phát thanh truyền hình và Internet nhằm nâng cao chất lượng nội dung và tạo sự lan tỏa thông tin.

Đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung chương trình; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, đồng bộ; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong tổ chức sản xuất chương trình, kiểm duyệt thông tin, truyền dẫn phát sóng.

Xây dựng kế hoạch về nguồn vốn đầu tư, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực... nhằm nâng cao năng lực sản xuất chương trình phát thanh truyền hình, đặc biệt là chương trình dành cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với dịch vụ truyền hình trả tiền, truyền hình internet: phát triển dịch vụ phát thanh truyền hình, đáp ứng nhu cầu của người xem trong điều kiện thu nhập và mức sống, mang đến cho người xem nhiều sự lựa chọn với nội dung phong phú, đa dạng, chủ động thời gian xem các chương trình.

Giai đoạn 2026 – 2030, hoàn thành chuyển đổi số mô hình, ứng dụng các công nghệ IoT, AI, BigData trong hoạt động sản xuất nội dung.

4.4.3. Thông tin cơ sở

Chuyển đổi các đài truyền thanh cơ sở truyền thống sang đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông.

Xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh phục vụ công tác quản lý tập chung và cung cấp thông tin cho đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông.

4.4.4. Thông tin đối ngoại

Hình thành trung tâm lưu trữ và xử lý dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh. Kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin đối ngoại.

Tiến hành hợp tác, đặt hàng các đơn vị truyền thông đại chúng trong và ngoài nước về các lĩnh vực một cách hệ thống, chuẩn xác, thường xuyên, liên tục

tạo hiệu ứng quảng bá, giới thiệu tiềm năng kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch của tỉnh ra toàn quốc.

Xây dựng kênh thông tin đối ngoại chính thống của Điện Biên trên các nền tảng mạng xã hội phục vụ công tác thông tin đối ngoại tỉnh trên các nền tảng mới có sức lan tỏa cao.

Xây dựng cụm thông tin đối ngoại tại khu vực cảng biển, khu du lịch, khu vực biển đảo.

4.4.5. Xuất bản – In – Phát hành

Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án nâng cao chất lượng, năng lực hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm. Mở rộng hoạt động của nhà xuất bản, các cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm ở trong và ngoài tỉnh dưới nhiều hình thức.

Nâng công suất, thay đổi công nghệ in phù hợp với xu thế và nhu cầu xã hội. Tiến hành thu hút một số doanh nghiệp in đặt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh, xa khu tập trung dân cư, có công nghệ hiện đại, công suất lớn. Giai đoạn 2026 – 2030, phấn đấu ngành in đáp ứng nhu cầu trong tỉnh, đặc biệt là nhu cầu là sản phẩm của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.4.6. Thông tin điện tử

Kết nối Cổng thông tin điện tử tỉnh Điện Biên đến Cổng thông tin điện tử Chính phủ; tích hợp các trang thông tin điện tử tổng hợp của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã để cung cấp thông tin, các dịch vụ hành chính công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: đổi mới công nghệ, phương thức quản lý nhằm phát huy tối đa lợi thế bao phủ thông tin, khả năng tương tác, phù hợp với xu thế hội tụ công nghệ truyền thông đa phương tiện, trở thành công cụ hữu hiệu định hướng thông tin trên môi trường mạng, đồng thời tăng khả năng khai thác nguồn thu.

PHẦN III: CÁC GIẢI PHÁP. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-2030.

TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Về giải pháp chiến lược phát triển tổng thể

Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các Huyện, thành phố trong việc triển khai Quy hoạch phương án phát triển mạng lưới Thông tin Truyền thông của Tỉnh thời kỳ 21021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tăng cường quản lý an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường quản lý và tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin.

Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc xây dựng phát triển mạng lưới Viễn thông trên địa bàn tỉnh. Hạn chế những thiếu sót, cố tình làm sai quy hoạch.

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo các nội dung được bổ sung quy hoạch của dự án, theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Về giải pháp chiến lược quy định quản lý và cơ chế chính sách

Ban hành quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng; quy chế phối hợp giữa các ngành, các doanh nghiệp trong xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng.

Ban hành các quy định tính giá cho thuê hạ tầng viễn thông. Xây dựng các quy định, quy chế về xây dựng, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi.

Ban hành các quy định về vận hành, khai thác, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin mới như trung tâm điều hành, trung tâm an toàn, an ninh mạng, quy chế khai thác, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu địa phương và các quy định về đảm bảo an toàn thông tin.

Ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện các quy định để người dân, doanh nghiệp thấy rõ hiệu quả khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Ban hành quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng sử dụng chung; ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại (công nghệ 5G, trạmăng ten ngụy trang...)

Hỗ trợ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông thụ động (cấp phép xây dựng, thủ tục, lắp đặt các trạm thu phát sóng mới kết hợp với sử dụng chung hạ tầng đô thị công cộng...).

Đẩy mạnh việc xã hội hóa đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định của Nhà nước nhằm giảm bớt đầu tư ban đầu, giảm bớt chi phí duy trì, vận hành, rút ngắn quá trình xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh của tỉnh.

Hoàn thiện và xây dựng các chính sách ưu đãi trong đầu tư, kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

3. Về huy động nguồn vốn đầu tư

Sử dụng hiệu quả nguồn quỹ dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam, các nguồn hỗ trợ phát triển dịch vụ Viễn thông công ích từ Trung ương thực hiện tốt dự án phổ cập điện thoại thông minh đến các hộ nghèo và hộ cận nghèo tại địa phương.

Chi ngân sách công nghệ thông tin: huy động các nguồn lực phát triển công nghệ thông tin đảm bảo chi cho công nghệ thông tin đạt tối thiểu 1% tỷ lệ chi ngân sách từ các nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

Huy động nguồn vốn đầu tư theo hình thức xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghiệp công nghệ thông tin.

Triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ các doanh nghiệp công nghệ thông tin; hình thức đối tác công tư (Public Private Partner – PPP)

đối với các dự án phát triển hạ tầng viễn thông. ứng dụng phát triển Chính quyền điện tử. đô thị thông minh; các dự án cung cấp các dịch vụ có thu phí....

4. Về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ công nghệ thông tin chất lượng cao phục vụ phát triển các hệ thống chính quyền điện tử. đô thị thông minh và giám sát an toàn. an ninh mạng.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về lý luận chính trị. ngoại ngữ. tin học. chuyên môn. nghiệp vụ. bảo đảm đáp ứng nhiệm vụ được giao và chủ động nguồn cán bộ quản lý cho các cơ quan báo chí. xuất bản trên địa bàn tỉnh.

Bồi dưỡng. nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cộng đồng. xã hội và người dân.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức bồi dưỡng. tập huấn kiến thức. kỹ năng. nghiệp vụ cho đội ngũ tuyên truyền viên về chuyên môn. nghiệp vụ. ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác. biên soạn tài liệu. lưu trữ thông tin. quản lý. vận hành thiết bị kỹ thuật.

Rà soát. bổ sung. hoàn thiện các quy định về bổ nhiệm. miễn nhiệm. khen thưởng. kỷ luật và tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan báo chí về tuổi. trình độ. năng lực. kinh nghiệm quản lý.

Đẩy mạnh công tác đào tạo. bồi dưỡng nghiệp vụ. quản lý. kinh tế báo chí cho đối tượng lãnh đạo cơ quan báo chí. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo. bồi dưỡng báo chí.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin trong cơ quan nhà nước; tổ chức bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí. nhất là kiến thức. kỹ năng xử lý thông tin và sự cố thông tin

5. Về khoa học. công nghệ

Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng đề án quản lý thông tin về Điện Biên trên môi trường mạng. Ứng dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo tự động thu thập các thông tin về Điện Biên trên môi trường mạng.

Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ mới trong triển khai ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi: kỹ thuật ngoan ngầm, khoan định hướng...

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng mạng bưu chính, viễn thông: quản lý dựa trên bản đồ số; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử; phần mềm quản lý hạ tầng mạng bưu chính, viễn thông.

Đẩy mạnh sử dụng công nghệ điện toán đám mây trong ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng công nghệ hiện đại, băng thông rộng để đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch giữa các cơ quan nhà nước, giao dịch giữa cơ quan với tổ chức, cá nhân, giao dịch giữa các doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với người dân.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học phục vụ việc: ứng dụng công nghệ hội tụ trong viễn thông, công nghệ thông tin và báo chí; ứng dụng số hóa trong sản xuất chương trình

Xây dựng hệ thống phần mềm đa nền tảng (web, di động...) phục vụ công tác thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh. Phần mềm cho phép tuyên truyền thông tin cũng như tiếp nhận phản hồi từ người dân, nâng cao hiệu quả của công tác thông tin cơ sở.

Đầu tư nghiên cứu, phát triển các công cụ, giải pháp kỹ thuật để quản lý tốt báo chí điện tử, thông tin mạng. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, các chương trình, đề án, dự án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, tăng diện

bao phủ thông tin chính thống. đúng định hướng đồng thời ngăn chặn. hạn chế tác động của thông tin độc hại. tiêu cực

6. Về hệ thống Công nghệ thông tin

Áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại. Phát triển hệ thống ứng dụng dựa trên công nghệ nguồn mở và sử dụng cá sản phẩm có bản quyền. Sử dụng ứng dụng giải pháp điện toán đám mây trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Liên kết và hội nhập quốc tế thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin với các thành phố phát triển. Hợp tác với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng thông qua việc chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các vùng trong khu vực. Phối hợp trao đổi và đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật và quản lý an toàn thông tin.

Phát huy thế mạnh của địa phương để tạo ra nhưng khả năng phát triển mới về thị trường công nghệ thông tin, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin liên thông với các sở ban ngành và toàn bộ hệ thống. Hợp tác giữa các tổ chức trong nước nhằm bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin. Phối hợp với các chuyên gia tư vấn, chuyên gia an toàn thông tin để sẵn sàng ứng phó với những sự cố liên quan tới mất an toàn an ninh mạng.

7. Về Thông tin – Báo chí – Xuất bản

Xây dựng lộ trình xã hội hóa hoạt động thông tin, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động thông tin trên mạng theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Triển khai áp dụng tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của các loại hình thông tin tại tỉnh Điện Biên.

- Xây dựng, hướng dẫn triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vào hoạt động thông tin trên mạng.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý thông tin ở địa phương; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại và điều kiện làm việc, bảo đảm thực thi công tác quản lý nhà nước hiệu quả cả về kỹ thuật và nội dung. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; tiêu chuẩn hóa các chức danh lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan thông tin, đặc biệt là các cơ quan thông tin phục vụ công tác tuyên truyền thiết yếu của Đảng, Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ người làm công tác thông tin vững vàng về chính trị, tư tưởng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm phát triển thông tin mạng theo từng giai đoạn. Đổi mới chương trình đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin trong không gian mạng và truyền thông, nâng cao ý thức, trách nhiệm và kỹ năng người dùng mạng xã hội; đẩy mạnh hợp tác đào tạo, ứng dụng thông tin mạng.

- Kiện toàn, sắp xếp hệ thống các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực thông tin theo định hướng, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Phát triển mạng lưới phát hành xuất bản phẩm đảm bảo việc cung cấp xuất bản phẩm đến các địa bàn cơ sở, trong đó ưu tiên khu vực vùng sâu, vùng xa, góp phần khắc phục sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các khu vực.

- Ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương nâng cao hiệu lực quản lý và chất lượng, hiệu quả thông tin.

- Xây dựng, hoàn thiện, đổi mới cơ chế phối hợp trong hoạt động quản lý báo chí trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của các cơ quan thông tin; hỗ trợ kinh phí cho hoạt động tư vấn chuyển giao, ứng dụng công nghệ nội dung số và hoạt động thông tin của tỉnh.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí khác ngoài vốn ngân sách nhà nước phục vụ cho việc phát triển các loại hình thông tin.

- Các cơ quan báo chí thích ứng với sự phát triển khoa học và công nghệ để có mô hình phù hợp nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả công tác thông tin và tiết kiệm nguồn lực. Đảm bảo cơ cấu xuất bản phẩm hợp lý; nâng cao chất lượng nội dung sách, đặc biệt là sách chính trị - xã hội, sách thiếu nhi, sách phổ biến kiến thức phổ thông, sách cho người dân ở nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ, quản lý phóng viên nước ngoài sản xuất chương trình quảng bá tỉnh Điện Biên phát trên các phương tiện truyền thông quốc tế.

- Các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần phối kết hợp, tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư.

8. Về Chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung huy động nguồn lực xây dựng, ứng dụng, phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và các nền tảng chuyển đổi số của tỉnh trên cả 03 lĩnh vực trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển cơ sở dữ liệu của các ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

- Ưu tiên thực hiện việc chuyển đổi số trên 6 lĩnh vực: Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và logistics, Thông tin và truyền thông:

- + *Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, di sản văn hóa*: Triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở du lịch trên địa bàn tỉnh ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong quản lý, cung cấp dịch vụ du lịch trên môi trường số để nâng cao chất lượng dịch vụ, quảng cáo theo phân khúc khách hàng, kết nối khách hàng, mạng lưới các cơ sở du

lịch; thực hiện chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở du lịch. Xây dựng, triển khai phần mềm du lịch thông minh phục vụ phát triển du lịch Điện Biên. Xây dựng và triển khai giải pháp du lịch qua hình ảnh 3D đối với những di tích lịch sử quan trọng của tỉnh, qua đó cung cấp những thông tin chính thống đối với vấn đề văn hóa, lịch sử. Xây dựng hệ thống quản lý, số hóa di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể và hiện vật Bảo tàng tỉnh Điện Biên. Triển khai nền tảng du lịch ảo, tăng trải nghiệm của khách trước chuyến đi; trọng tâm là số hóa các sản phẩm du lịch (lịch sử, văn hóa, tâm linh, sinh thái), đặc biệt là di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ.

+ *Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế*: Đẩy mạnh phát triển hiện đại hóa nền hành chính, nâng cấp các hệ thống thông tin y tế trên các nền tảng số mới nhất, xây dựng trung tâm điều hành y tế thông minh, hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng Văn phòng điện tử tại Sở Y tế. Thúc đẩy phát triển ứng dụng chuyển đổi số tiến tới bệnh viện thông minh, đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc bệnh nhân trên nền tảng số. Sử dụng trí tuệ nhân tạo trong Hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh; Hỗ trợ phẫu thuật; Hỗ trợ bác sĩ ra quyết định dựa trên ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu khám chữa bệnh. Đẩy mạnh dịch vụ khám chữa bệnh từ xa (tele-medicine) thay thế cách khám chữa bệnh truyền thống bằng việc khám chữa bệnh từ xa nhằm nâng cao chất lượng và số lượng người được tiếp cận với hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe từ các tuyến từ trung ương đến địa phương. Phối hợp chặt chẽ phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa với Bộ Y tế và các bệnh viện trung ương để triển khai đồng bộ với nền tảng kết nối các cơ sở khám, chữa bệnh trên cả nước. Triển khai các ứng dụng thông minh cho phép cung cấp các dịch vụ theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh, các thiết bị theo dõi sức khỏe và cán bộ y tế.

+ *Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho ngành giáo dục tỉnh Điện Biên theo hướng hiện đại, thiết thực, và hiệu quả. Mục tiêu cho đến năm 2025 là 100% trường học được kết nối đường truyền băng thông rộng; 100% học sinh, sinh viên các cấp tại tỉnh được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số), 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện), kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới. Đến

năm 2025, 100% các trường học, cơ sở giáo dục có trang thông tin điện tử, cung cấp những thông tin về cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ giáo viên, giảng viên. Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục tỉnh Điện Biên, bao gồm: cơ sở dữ liệu ngành giáo dục kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường trong tỉnh và triển khai hệ thống họp, hội thảo, tập huấn qua mạng. Triển khai thí điểm “Trường học thông minh” tại 02 trường THPT trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, và 10 trường THCS tại các huyện, thị xã, thành phố.

+ *Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:*

(1) Áp dụng chuyển đổi số trong canh tác nông nghiệp: Hệ thống cảm biến, Robot, máy bay không người lái;

(2) Liên kết chuỗi: Xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp thông minh bằng sử dụng các phần mềm quản lý: Từ sản xuất đến chế biến, bảo quản đến tiêu thụ sản phẩm;

(3) Thay đổi quản trị doanh nghiệp, hợp tác xã: Sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác đào tạo, tập huấn;

(4) Quản lý trong lĩnh vực chuyên ngành: Sử dụng các phần mềm phòng chống cháy rừng, cảnh báo mưa lũ, quản lý sử dụng các hồ chứa... Chuyển đổi số lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm và Thủy sản; Chuyển đổi số lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật; Chuyển đổi số lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y; Chuyển đổi số lĩnh vực Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Chuyển đổi số lĩnh vực Lâm nghiệp - Kiểm lâm; Chuyển đổi số lĩnh vực Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chuyển đổi số lĩnh vực Xây dựng nông thôn mới và quản lý sản phẩm OCOP.

+ *Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông và logistic:* Phát triển hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh tại các đô thị, đảm bảo ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng quản lý và điều hành hệ thống giao thông; dịch vụ thông tin giao thông; hỗ trợ lái xe an toàn trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ giám sát các đối tượng khả nghi tham gia giao thông. Kết nối, chia sẻ, cung cấp dữ liệu giao thông cho trung tâm điều hành thành phố thông minh, chính quyền số. Chuyển đổi các hạ tầng logistics (như hệ thống kho, bến, bãi.); phát triển các nền tảng đảm bảo trạng thái của chuỗi dịch vụ logistics được chuyển đổi số trong tất cả các công đoạn; từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước. Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng để phát triển thành một hệ thống một cửa để cho phép chủ hàng có thể tìm ra phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa và các kho

bãi chính xác cũng như hỗ trợ việc đóng gói và hỗ trợ đăng ký, hoàn thiện các quá trình xử lý các văn bản hành chính liên quan.

+ *Chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin và truyền thông*: Thực hiện chuyển đổi số hạ tầng Viễn thông thành hạ tầng thiết yếu cho chuyển đổi số và đô thị thông minh; chuyển đổi số hạ tầng chính quyền điện tử thành hạ tầng chính phủ số. Ứng dụng các nền tảng số dùng chung thúc đẩy chuyển đổi số; bảo đảm an toàn an ninh mạng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về viễn thông: Số thuê bao điện thoại, số thuê bao truy nhập Internet; số trạm và vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động; Xây dựng cơ sở dữ liệu về bưu chính; xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ thông tin, các cơ sở dữ liệu về thanh tra chuyên ngành. Thực hiện chuyển đổi số Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh nhằm xây dựng các cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện của tỉnh. Trọng tâm là nền tảng quản trị, hoạt động sản xuất, sáng tạo nội dung, truyền tải và đo lường khán giả, truyền dẫn trên các nền tảng số.

9. Về giải pháp hạ tầng kỹ thuật

- Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đối với những công trình mới xây dựng, các công trình đã xây dựng và đang sử dụng sẽ do doanh nghiệp tự quyết định.

- Triển khai sử dụng chung hạ tầng từ thời điểm xây dựng hạ tầng viễn thông mới.

- Sở TTTT đóng vai trò là đầu mối, xây dựng phương án dùng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp. Một số giải pháp triển khai xây dựng chung hạ tầng có thể áp dụng:

+ Các doanh nghiệp viễn thông có thể vận dụng nguyên tắc thuê lẫn nhau, một đổi một trong việc hợp tác sử dụng chung hạ tầng.

+ Xã hội hóa hạ tầng: một doanh nghiệp, liên doanh các doanh nghiệp chủ trì xây dựng hạ tầng, cho các doanh nghiệp viễn thông thuê sử dụng.

+ Sở TTTT chủ trì, tổ chức phối hợp để các doanh nghiệp viễn thông chia sẻ mức đầu tư xây dựng hạ tầng; thành lập liên doanh vận hành để duy tu, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp, có kinh phí, cơ chế hoạt động độc lập nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, đảm bảo chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng.

- Đối với hạ tầng công, bề cấp trong các trường hợp cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây mới cần thiết phải có sự phù hợp với từng vị trí, từng tuyến đường, từng khu

vực đảm bảo việc phát triển hạ tầng phù hợp và có tính đến yếu tố duy tu, sửa chữa và nâng cấp một cách dễ dàng, thời gian thi công nhanh, ít ảnh hưởng đến cộng đồng. Hạ tầng công, bề cấp có thể xây dựng dưới dạng hầm hào kỹ thuật hoặc chôn cáp trực tiếp.

10. Về giải pháp sử dụng đất

Khi quy hoạch công trình công cộng, các tuyến đường giao thông và các khu đô thị mới cần thiết dành quỹ đất để lắp đặt các trạm ăng ten. Ngoài ra, sẽ bố trí các loại ăng ten thế hệ mới trên các cột điện chiếu sáng dọc theo các tuyến đường giao thông, đèn chiếu sáng tại các công viên, các công trình công cộng. Đối với các ăng ten thuộc loại này sẽ không cần bố trí quỹ đất riêng.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông được triển khai đồng bộ với ngầm hóa lưới điện và các ngành khác nên không phát sinh nhu cầu đất mà chủ yếu chia sẻ. dùng chung quỹ đất đối với các công trình này.

Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bưu chính viễn thông được sử dụng quỹ đất để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng mạng lưới được thuận lợi, ổn định, lâu dài.